

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

---



# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên: Nguyễn Thị Huệ**

**HẢI PHÒNG – 2023**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

---

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT  
LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH SINCHI VIỆT NAM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**  
**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên:** Nguyễn Thị Huệ

**Giảng viên hướng dẫn:** ThS. Nguyễn Văn Thụ

**HẢI PHÒNG – 2023**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Sinh viên:** Nguyễn Thị Huệ

**Mã SV:** 1912401001

**Lớp :** QT 2301K

**Ngành :** Kế toán - Kiểm toán

**Tên đề tài:** Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH  
Sinchí Việt Nam

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

## **1 Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp**

+ Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

+ Mô tả và tìm hiểu thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sinchi Việt Nam

+ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sinchi Việt Nam nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại Công ty.

## **2. Các tài liệu, số liệu cần thiết**

Sưu tầm, lựa chọn từ các số liệu tài liệu phục vụ cho việc minh họa công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sinchi Việt Nam

## **3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp**

Tại: Công ty TNHH Sinchi Việt Nam - Lô L1.6, lô L1.7 & 1/2 Lô L1.8 phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

**Họ và tên** : Nguyễn Văn Thụ

**Học hàm, học vị** : Thạc Sĩ

**Cơ quan công tác** : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

**Nội dung hướng dẫn:** Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sinchi Việt Nam.

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 27 tháng 03 năm 2023

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 17 tháng 06 năm 2023

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Giảng viên hướng dẫn*

*Hải Phòng, ngày tháng năm 2023*

**XÁC NHẬN CỦA KHOA**

## MỤC LỤC

<b>LỜI NÓI ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>3</b>
1.1 Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	3
1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp .....	3
1.1.2 Khái niệm và các đặc điểm của nguyên liệu.....	4
1.1.3 Vai trò và nhiệm vụ của kế toán Nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	5
1.1.4 Phân loại và tính giá nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	6
1.2 Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu .....	11
1.2.1 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song .....	11
1.2.2 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển .....	12
1.2.3 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ dư.....	14
1.3 Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu .....	15
1.3.1 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên .....	16
1.3.2 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kì.....	19
1.4 Kế toán dự phòng giảm giá nguyên vật liệu hàng tồn kho .....	21
1.5 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	24
1.5.1 Hình thức kế toán nhật ký chung .....	25
1.5.2 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ .....	26
1.5.3 Hình thức kế toán nhật ký - sổ cái.....	28
Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau: .....	29
1.5.4 Hình thức kế toán nhật ký chứng từ.....	30
1.5.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	32
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH SINCHI VIỆT NAM.....</b>	<b>33</b>
2.1 Khái quát về Công ty TNHH Sinchi Việt Nam.....	33

2.1.1 Lịch sử hình thành , phát triển và đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Sinchi Việt Nam .....	33
2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Sinchi Việt Nam.....	34
2.1.3 Đặc điểm cơ cấu tổ chức công ty .....	35
2.1.4 Đặc điểm công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Sinchi Việt Nam .....	39
2.2 Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sinchi Việt Nam .....	44
2.2.1 Đặc điểm , phân loại và tính giá nguyên vật liệu tại công ty.....	44
2.2.2 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sinchi Việt Nam.....	55
2.2.3 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sinchi Việt Nam64	
2.2.4 Công tác kiểm kê nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sinchi Việt Nam ...	71
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH SINCHI VIỆT NAM .....</b>	<b>74</b>
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Sinchi Việt Nam.....	74
3.1.1 Ưu điểm.....	74
3.1.2 Hạn chế.....	75
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sinchi Việt Nam .....	76
3.2.2 Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sinchi Việt Nam .....	77
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>91</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>92</b>

## DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

Sơ đồ 1.1 : Sơ đồ kế toán chi tiết theo phương pháp thẻ song song.....	12
Sơ đồ 1.2 : Sơ đồ kế toán chi tiết theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển .	13
Sơ đồ 1.3 : Sơ đồ kế toán chi tiết theo phương pháp sổ sổ dư.....	15
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	18
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	21
Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung.....	26
Sơ đồ 1.7 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ .....	28
Sơ đồ 1.8 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái .....	30
Sơ đồ 1.9 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ ..	31
Sơ đồ 1.10 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Máy vi tính .....	32
Sơ đồ 2-1 : Bộ máy tổ chức.....	36
Sơ đồ 2-2 : Sơ đồ bộ máy kế toán .....	40
Sơ đồ 2-3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung.....	43
Sơ đồ 2-4 : Sơ đồ hạch toán chi tiết theo phương pháp song song.....	55



## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Biểu số 2.1 : Hóa đơn GTGT .....	47
Biểu số 2.2 : Phiếu nhập kho.....	48
Biểu số 2.3 : Hóa đơn GTGT .....	49
Biểu số 2.4 : Phiếu nhập kho.....	50
Biểu số 2.5: Phiếu xuất kho.....	53
Biểu số 2.6: Phiếu xuất kho.....	54
Biểu số 2.7:Thẻ kho của nguyên vật liệu : Nhôm ADC-1.....	58
Biểu số 2.8:Sổ chi tiết nguyên vật liệu: Nhôm ADC-1 .....	59
Biểu số 2.9:Thẻ kho của nguyên vật liệu : Sơn bề mặt TN 31 .....	61
Biểu số 2.10:Sổ chi tiết nguyên vật liệu: Sơn bề mặt TN 31 .....	62
Biểu số 2.11: BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN NGUYÊN VẬT LIỆU .....	63
Biểu số 2.12: Bảng kê xuất nguyên vật liệu .....	67
Biểu số 2.13: Bảng kê xuất nguyên vật liệu .....	68
Biểu số 2.14: Trích SỔ NHẬT KÝ CHUNG .....	69
Biểu số 2.15: Trích SỔ CÁI TK 152 .....	70
Biểu số 2.16 : BIÊN BẢN KIỂM KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU .....	73
Biểu số 3.1 : Sổ điểm danh vật tư.....	79
Biểu số 3.2: Bảng kê chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại công ty.....	83

## LỜI NÓI ĐẦU

Bất kỳ một quá trình sản xuất xã hội nào cũng đều có 3 yếu tố chủ yếu sau: Lao động - Đối tượng lao động - Tư liệu lao động. Nguyên vật liệu là một loại của đối tượng lao động. Trong các doanh nghiệp sản xuất, nguyên vật liệu là yếu tố không thể thiếu được của quá trình sản xuất kinh doanh. Chi phí nguyên vật liệu thường chiếm một tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá thành sản phẩm và trong bộ phận dự trữ chủ yếu của quá trình sản xuất kinh doanh. Chính vì vậy, quản lý tốt khâu thu mua, dự trữ và sử dụng vật liệu là điều kiện cần thiết để đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Để làm được điều này, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải tổ chức tốt công tác kế toán nhất là kế toán nguyên vật liệu. Công tác kế toán nguyên vật liệu được thực hiện tốt sẽ cung cấp đầy đủ, kịp thời và chính xác thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp biết về tình hình sử dụng tài sản lưu động, đồng thời góp phần vào việc cung ứng kịp thời, đầy đủ vật tư cho quá trình sản xuất, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát việc chấp hành định mức tiêu hao nguyên vật liệu, góp phần giảm những chi phí không cần thiết nhằm hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Như vậy, công tác kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng giữ một vai trò quan trọng đối với hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

Công ty TNHH Sinchi Việt Nam là một công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất linh kiện ô tô, xe máy, một số sản phẩm bếp... từ nhôm hợp kim. Do đặc điểm sản xuất với số lượng nguyên vật liệu lớn trong giá thành sản phẩm thì việc tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu là biện pháp hữu hiệu nhất để giảm giá thành, tăng lợi nhuận cho công ty, vì vậy điều tất yếu là công ty phải quan tâm đến khâu hạch toán chi phí nguyên vật liệu.

Nhận thức về tầm quan trọng của vật liệu đối với quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị đồng thời qua nghiên cứu thực tế công tác kế toán tại Công ty TNHH Sinchi Việt Nam, được sự giúp đỡ tận tình của Ban giám đốc công ty, các cán bộ phòng kế toán công ty, em nhận thấy kế toán vật liệu ở công ty giữ một vai trò rất quan trọng. Chính vì vậy em đã chọn và đi sâu vào nghiên cứu đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sinchi Việt Nam”. Nội dung của chuyên đề bao gồm: Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục và danh mục tài liệu tham khảo, khóa luận bao gồm các nội dung chính sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sinchi Việt Nam

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu Công ty TNHH Sinchi Việt Nam.

Do thời gian và trình độ có hạn nên bài viết không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo và các cán bộ nghiệp vụ ở Công ty để bài viết được hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn ThS. Nguyễn Văn Thụ, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và các cán bộ nghiệp vụ của Công ty TNHH Sinchi Việt Nam đã giúp em hoàn thành khóa luận này.

## Chương 1

# NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP

## 1.1 Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

### 1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Trong các doanh nghiệp sản xuất, nguyên vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, là bộ phận cơ bản cấu thành thực thể sản phẩm. Trong quá trình sản xuất, vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất, bị tiêu hao và chuyển dịch toàn bộ một lần vào giá thành sản phẩm.

Kế toán nguyên vật liệu giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp nắm được tình hình vật tư để chỉ đạo tiến độ sản xuất. Hạch toán nguyên vật liệu có đảm bảo chính xác, kịp thời và đầy đủ tình hình thu mua, nhập, xuất, dự trữ vật liệu. Tính chính xác của hạch toán kế toán nguyên vật liệu ảnh hưởng đến tính chính xác của giá thành sản phẩm.

Xuất phát từ yêu cầu quản lý vật liệu và từ vai trò và vị trí của kế toán đối với công tác quản lý kế toán tài chính trong doanh nghiệp sản xuất, vai trò của kế toán nguyên vật liệu được thể hiện như sau:

- Tổ chức ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, tình hình nhập, xuất và tồn nguyên vật liệu, tính giá thực tế của nguyên vật liệu đã thu mua và mang về nhập kho nguyên vật liệu, đảm bảo cung cấp kịp thời, đúng chủng loại cho quá trình sản xuất.

- Áp dụng đúng đắn các phương pháp kỹ thuật hạch toán nguyên vật liệu, hướng dẫn kiểm tra các bộ phận, đơn vị trong doanh nghiệp thực hiện đầy đủ chế độ hạch toán ban đầu về nguyên vật liệu (lập chứng từ, luân chuyển chứng từ...) mở các sổ sách, thẻ kế toán chi tiết, thực hiện hạch toán đúng phương pháp, quy định nhằm đảm bảo thống nhất trong công tác quản lý kế toán trong phạm vi ngành kinh tế và toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

- Kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ, sử dụng vật liệu, kiểm tra tình hình nhập, xuất, phát hiện và ngăn ngừa các ảnh hưởng xấu xảy ra và đề xuất các biện pháp xử lý về nguyên vật liệu như: thiếu, thừa, ứ đọng, kém phẩm chất, mất mát, hư hao, ..... tính toán, xác định chính xác số lượng và giá trị nguyên vật liệu đã tiêu hao trong quá trình sản xuất.

- Tham gia kiểm kê, đánh giá nguyên vật liệu theo chế độ mà nhà nước đã quy định, lập các báo cáo về vật tư, tiến hành phân tích về tình hình thu mua, dự trữ, quản lý, sử dụng và bảo quản nguyên vật liệu nhằm phục công tác quản lý nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu, hạ thấp chi phí sản xuất toàn bộ.

### **1.1.2 Khái niệm và các đặc điểm của nguyên liệu**

#### ***1.1.2.1 Khái niệm nguyên vật liệu***

Một doanh nghiệp muốn kinh doanh, sản xuất hiệu quả thì phải chú trọng tới nhiều yếu tố. Nhóm yếu tố quan trọng đầu tiên là nhóm yếu tố đầu vào. Trong đó nguyên vật liệu là yếu tố đáng chú ý nhất vì nguyên vật liệu là yếu tố trực tiếp cấu tạo nên thực thể sản phẩm. Thiếu nguyên vật liệu thì quá trình sản xuất sẽ bị gián đoạn hoặc không tiến hành được. Nguyên vật liệu là từ tổng hợp dùng để chỉ chung nguyên liệu và vật liệu. Trong đó, nguyên liệu là đối tượng lao động, nhưng không phải mọi đối tượng lao động đều là nguyên liệu. Tiêu chuẩn để phân biệt sự khác nhau giữa nguyên liệu và đối tượng lao động là sự kết tinh lao động của con người trong đối tượng lao động, còn với nguyên liệu thì không. Những nguyên liệu đó qua công nghiệp chế biến thì được gọi là vật liệu. Tóm lại ta có thể hiểu đơn giản nguyên vật liệu là đối tượng lao động do doanh nghiệp mua ngoài hoặc tự chế biến, dự trữ, để phục vụ quá trình sản xuất, kinh doanh tạo ra sản phẩm và trong quá trình sản xuất nguyên vật liệu sẽ thay đổi hình thái và giá trị của nó sẽ được chuyển trực tiếp vào sản phẩm đây là căn cứ để tính giá thành

#### **1.1.2.2 Đặc điểm của nguyên vật liệu**

Nguyên vật liệu mang những đặc điểm cơ bản sau:

+ Nguyên vật liệu thường tham gia vào một chu kỳ sản xuất và tiêu hao toàn bộ hoặc thay đổi hình dạng vật chất ban đầu để tạo thành hình thái của sản phẩm.

+ Nguyên vật liệu là một loại hàng tồn kho được doanh nghiệp dự trữ với mục đích phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp. Mỗi một loại nguyên vật liệu nhất định lại gắn liền với một thời hạn bảo quản nhất định. Vì vậy doanh nghiệp phải dựa vào đặc điểm này của nguyên vật liệu để có kế hoạch trong việc thu mua, dự trữ và bảo quản nguyên vật liệu cũng như việc xuất nguyên vật liệu vào sản xuất.

### 1.1.3 Vai trò và nhiệm vụ của kế toán Nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Để có thông tin cho công tác quản lý nguyên vật liệu lãnh đạo doanh nghiệp có nhiều nguồn tin khác nhau để khai thác như thông tin về giá thị trường, thông tin từ nhà phân phối... Tuy nhiên thông tin do kế toán nguyên vật liệu cung cấp là thông tin quan trọng nhất. Thông tin đó được thể hiện ở các mặt sau:

– Cung cấp thông tin cần thiết để quản trị mua hàng, quản trị hàng tồn kho, công nợ với người bán. kế toán nguyên vật liệu cung cấp thông tin về số lượng, giá trị của Nguyên vật liệu nhập, xuất kho của từng kho, từng đơn vị, cung cấp thông tin về trả khoản phải trả...

– Cung cấp thông tin cần thiết để ghi các chỉ tiêu lên các báo cáo tài chính liên quan đến hàng tồn kho, ...

Để cung cấp đầy đủ, kịp thời và chính xác thông tin cho công tác quản lý nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp, kế toán nguyên vật liệu phải thực hiện được các nhiệm vụ chủ yếu sau:

– Ghi chép, tính toán, phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời số lượng, chất lượng và giá thành thực tế của nguyên vật liệu nhập kho.

– Tập hợp và phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời số lượng và giá trị nguyên vật liệu xuất kho, kiểm tra tình hình chấp hành các định mức tiêu hao của từng loại.

– Phân bổ hợp lý giá trị nguyên vật liệu sử dụng vào các đối tượng tập hợp chi phí sản xuất – kinh doanh.

– Tính toán và phản ánh chính xác số lượng và giá trị nguyên vật liệu tồn kho, phát hiện kịp thời nguyên vật liệu thiếu thừa, ứ đọng, kém phẩm chất để doanh nghiệp có biện pháp xử lý kịp thời, hạn chế đến mức tối đa thiệt hại có thể xảy ra.

– Tổ chức chứng từ, tài khoản về kế toán, sổ sách kế toán phù hợp với tình hình biến động tăng, giảm của vật tư trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm cung cấp thông tin để tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh và phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán quy định.

#### **1.1.4 Phân loại và tính giá nguyên vật liệu trong doanh nghiệp**

##### ***1.1.4.1 Phân loại***

Trong các doanh nghiệp, vật liệu rất đa dạng và phong phú, mỗi loại có một vai trò, công dụng và tính năng lý hoá khác nhau. Vì vậy để quản lý vật liệu một cách có hiệu quả, các doanh nghiệp tiến hành phân loại vật liệu.

Tuỳ theo yêu cầu quản lý vật liệu mà từng doanh nghiệp thực hiện phân loại theo các cách khác nhau:

\* Phân loại theo công dụng của nguyên vật liệu có các loại:

- Nguyên liệu, vật liệu chính: Là những loại nguyên liệu và vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm. Vì vậy khái niệm nguyên liệu, vật liệu chính gắn liền với từng doanh nghiệp sản xuất cụ thể. Trong các doanh nghiệp kinh doanh thương mại, dịch vụ... không đặt ra khái niệm vật liệu chính, vật liệu phụ. Nguyên liệu, vật liệu chính cũng bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất, chế tạo ra thành phẩm.

- Vật liệu phụ: Là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành thực thể chính của sản phẩm nhưng có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bề ngoài, tăng thêm chất lượng của sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường, hoặc phục vụ cho nhu cầu công nghệ, kỹ thuật, bảo quản đóng gói; phục vụ cho quá trình lao động. - Nhiên liệu: Là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình

chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, thể rắn và thể khí.

- Vật tư thay thế Là những vật tư dùng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất...

- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: Là những loại vật liệu và thiết bị được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào công trình xây dựng cơ bản.

- Vật liệu khác: là các loại VL không được xếp vào các loại kể trên. Chủ yếu là các loại phế liệu thu hồi từ quá trình sản xuất, hoặc từ việc thanh lý TSCĐ.

\* Phân loại theo nguồn hình thành gồm 3 loại:

-Vật liệu tự chế: là vật liệu doanh nghiệp tự tạo ra để phục vụ cho nhu cầu sản xuất.

-Vật liệu mua ngoài: là loại vật liệu doanh nghiệp không tự sản xuất mà do mua ngoài từ thị trường trong nước hoặc nhập khẩu.

-Vật liệu khác: là loại vật liệu hình thành do được cấp phát, biếu tặng, góp vốn liên doanh.

\* Phân loại theo mục đích sử dụng gồm:

-Vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất sản phẩm

-Vật liệu dùng cho các nhu cầu khác: phục vụ cho sản xuất chung, cho nhu cầu bán hàng, cho quản lý doanh nghiệp.

#### ***1.1.4.2 Tính giá nguyên vật liệu***

a) Tính giá nguyên vật liệu nhập kho

\* Đối với nguyên vật liệu nhập kho mua ngoài :

Giá thực tế	Giá mua	Chi phí liên	Các loại thuế	Các
NVL mua	= ghi trên	+ quan trực	+ không được khấu	- khoản
ngoài	hóa đơn	tiếp	trừ, không được	giảm
	(Chưa thuế GTGT)		hoàn lại	trừ



Trong đó :

- Giá trên hóa đơn : là giá của nguyên vật liệu nhập kho nếu doanh nghiệp tính thuế giá trị gia tăng theo phương thức khấu trừ là giá không bao gồm thuế, còn nếu doanh nghiệp tính thuế giá trị gia tăng theo phương thức trực tiếp thì là giá bao gồm cả thuế giá trị gia tăng

+ Nếu doanh nghiệp thuộc đối tượng kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì thuế GTGT không được tính vào giá thực tế của nguyên vật liệu.

+ Nếu doanh nghiệp mua nguyên vật liệu sử dụng cho các đối tượng không chịu thuế GTGT hoặc sử dụng cho các hoạt động phúc lợi, các dự án thì giá mua là giá bao gồm cả thuế (tổng giá thanh toán)

- Chi phí liên quan trực tiếp gồm : chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, các khoản chi phí liên quan khác đến khi hàng về nhập kho tại doanh nghiệp.

- Các loại thuế không được khấu trừ, không được hoàn lại như : thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt

- Các khoản giảm trừ gồm : chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán

\* Đối với nguyên vật liệu tự sản xuất, tự chế biến

Giá NVL thực tế nhập kho = Giá thực tế NVL xuất chế biến + Chi phí chế biến

\* Đối với nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến

Giá thực tế nhập kho = Giá thực tế NVL thuê ngoài chế biến + Chi phí vận chuyển bốc dỡ + Chi phí thuê ngoài gia công chế biến

\* Đối với nguyên vật liệu nhận vốn góp liên doanh

Giá thực tế nhập kho = Giá trị vốn góp do 2 bên thỏa thuận + Chi phí tiếp nhận (nếu có)

\* Đối với nguyên vật liệu được viện trợ, tặng, thưởng

Giá NVL thực tế nhập kho = Giá trị thị trường tương đương + Chi phí tiếp nhận

\* Đối với phế liệu thu hồi

Giá trị thu hồi là giá do hội đồng định giá của đơn vị xác định trên cơ sở giá phế liệu có thể bán trên thị trường và số lượng, chất lượng phế liệu thu hồi.

b) Tính giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho

Việc những loại hàng hóa giống nhau nhưng được mua với những mức giá khác nhau làm phát sinh vấn đề là sử dụng trị giá vốn nào cho hàng hoá tồn kho

cuối kỳ và trị giá vốn nào cho hàng hoá bán ra. Do đó khi xuất kho nguyên vật liệu tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý cũng như thiết bị tính toán ở từng doanh nghiệp. Trường hợp nếu có thay đổi phương pháp phải có giải thích rõ ràng bằng văn bản để gửi về cơ quan thuế nhưng phải thực hiện tối thiểu là 6 tháng. Khi xác định giá nguyên vật liệu xuất kho, doanh nghiệp áp dụng theo một trong các phương pháp sau:

- Phương pháp bình quân gia quyền
- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)
- Phương pháp tính giá thực tế đích danh

### **1 Phương pháp bình quân gia quyền**

Theo phương pháp này giá xuất kho hàng hoá được tính theo đơn giá bình quân

$$\text{Giá thực tế NVL xuất dùng} = \text{Số lượng xuất dùng} \times \text{Giá đơn vị bình quân}$$

Giá đơn vị bình quân được xác định bằng nhiều cách:

#### **\* Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ.**

Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có số lần nhập, xuất nguyên vật liệu nhiều, căn cứ vào giá thực tế, tồn đầu kỳ để kế toán xác định giá bình quân của một đơn vị sản phẩm, hàng hóa.

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Giá trị thực tế NVL tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị thực tế NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng NVL nhập trong kỳ}}$$

Trong đó : đơn giá bình quân được xác định cho từng thứ nguyên vật liệu

+ **Ưu điểm** : Đơn giản, dễ làm, giảm nhẹ được việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ.

+ **Nhược điểm** : Độ chính xác không cao. Hơn nữa đến cuối tháng kế toán mới tính đơn giá bình quân và giá trị hàng xuất kho nên khối lượng công việc sẽ bị dồn nhiều vào cuối kỳ. Cũng chính đến cuối tháng mới có giá xuất kho do đó mỗi nghiệp vụ xuất kho vì thế mà không được cung cấp kịp thời giá trị xuất kho.

#### **\* Phương pháp bình quân liên hoàn( bình quân sau mỗi lần nhập)**

Sau mỗi lần nhập NLVL kế toán phải xác định lại giá trị thực của NLVL và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế từng loại tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Số lượng thực tế NVL tồn kho sau mỗi lần nhập

+ **Ưu điểm:** Độ chính xác cao vì được tính toán thường xuyên và liên tục, khắc phục được nhược điểm của cách tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Vì vậy phương pháp này thường được sử dụng để tính giá xuất kho ngoại tệ.

+ **Nhược điểm:** Khối lượng tính toán nhiều do phải tính toán đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập kho, vì vậy sẽ mất nhiều thời gian và công sức hơn.

## **2 Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO)**

Hàng hoá nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước rồi mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng lần nhập. Do vậy hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số vật liệu mua vào trong kỳ. Phương pháp thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm. Thường các doanh nghiệp kinh doanh về thuốc, mỹ phẩm...

+ **Ưu điểm:** Có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất nguyên vật liệu, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Trị giá nguyên vật liệu sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

+ **Nhược điểm:** Làm cho các khoản doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Theo phương pháp này doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị nguyên vật liệu đã có được từ cách đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng, chủng loại nguyên vật liệu nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc sẽ tăng lên rất nhiều.

## **3 Phương pháp thực tế đích danh**

Theo phương pháp này nguyên vật liệu xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó. Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, chỉ những doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới có thể áp dụng được phương pháp này. Còn đối với những doanh nghiệp có nhiều loại hàng thì không thể áp dụng được phương pháp này.

+ **Ưu điểm:** Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với giá trị thành phẩm nó tạo ra: Giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

+ **Nhược điểm:** Việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe chỉ những doanh nghiệp kinh doanh có ít loại nguyên vật liệu có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới có thể áp dụng được phương pháp này: Đối với những doanh nghiệp có nhiều loại hàng thì không thể áp dụng được phương pháp này.

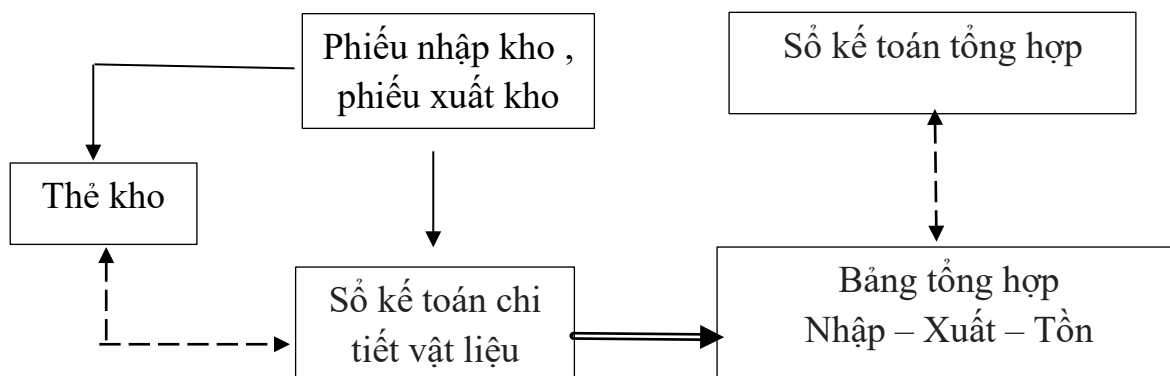
## **1.2 Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu**

### **1.2.1 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song**

- Ở kho : Thủ kho sẽ sử dụng thẻ kho để ghi chép hàng ngày tình hình nhập xuất ,tồn kho của từng loại nguyên vật liệu theo chỉ tiêu, số lượng. Thủ kho phải thường xuyên đối chiếu sổ tồn trên thẻ kho với số tồn vật liệu thực tế còn ở kho. Cuối ngày thủ kho phải tính sổ tồn kho. Định kì sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải chuyển toàn bộ các chứng từ về nhập xuất kho cho kế toán nguyên vật liệu

- Ở phòng kế toán : Mở thẻ hoặc sổ kế toán chi tiết cho từng danh điểm nguyên vật liệu tương ứng với thẻ kho của từng kho để theo dõi về mặt số lượng và giá trị hàng ngày hoặc định kỳ khi nhận được các chứng từ nhập xuất kho của thủ kho gửi đến nhân viên kế toán nguyên vật liệu xuống kho kiểm tra việc ghi chép của thủ kho, ký xác nhận vào thẻ kho và nhận chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu. Các chứng từ này được kế toán kiểm tra và hoàn chỉnh sau đó sử dụng để ghi vào sổ kế toán chi tiết( ghi theo cả chỉ tiêu hiện vật và chỉ tiêu giá trị )

- Cuối tháng kế toán cộng thẻ hoặc sổ tính ra tổng số nhập, tổng số xuất và tổng số tồn của từng thứ vật liệu rồi đối chiếu với thẻ kho thông qua lập báo cáo tổng hợp nhập xuất tồn kho nguyên vật liệu Bảng tổng hợp Nhập – Xuất – Tồn



Sơ đồ 1.1 : Sơ đồ kế toán chi tiết theo phương pháp thẻ song song

Ghi chú: Ghi hàng ngày hoặc định kỳ  $\longrightarrow$

Ghi cuối kỳ  $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra  $\longleftrightarrow$

+ Ưu điểm: Phương pháp này đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra, đảm bảo được độ tin cậy cao của thông tin và có khả năng cung cấp thông tin nhanh

+ Nhược điểm: Giữa kho và phòng kế toán còn ghi chép trùng lặp về mặt số lượng, khối lượng công việc ghi chép quá lớn nếu chủng loại nguyên vật liệu nhiều và tình hình nhập, xuất diễn ra hàng ngày

+ Điều kiện áp dụng: Phương pháp này áp dụng thích hợp cho các doanh nghiệp có ít loại nguyên vật liệu, khối lượng nhập, xuất ít

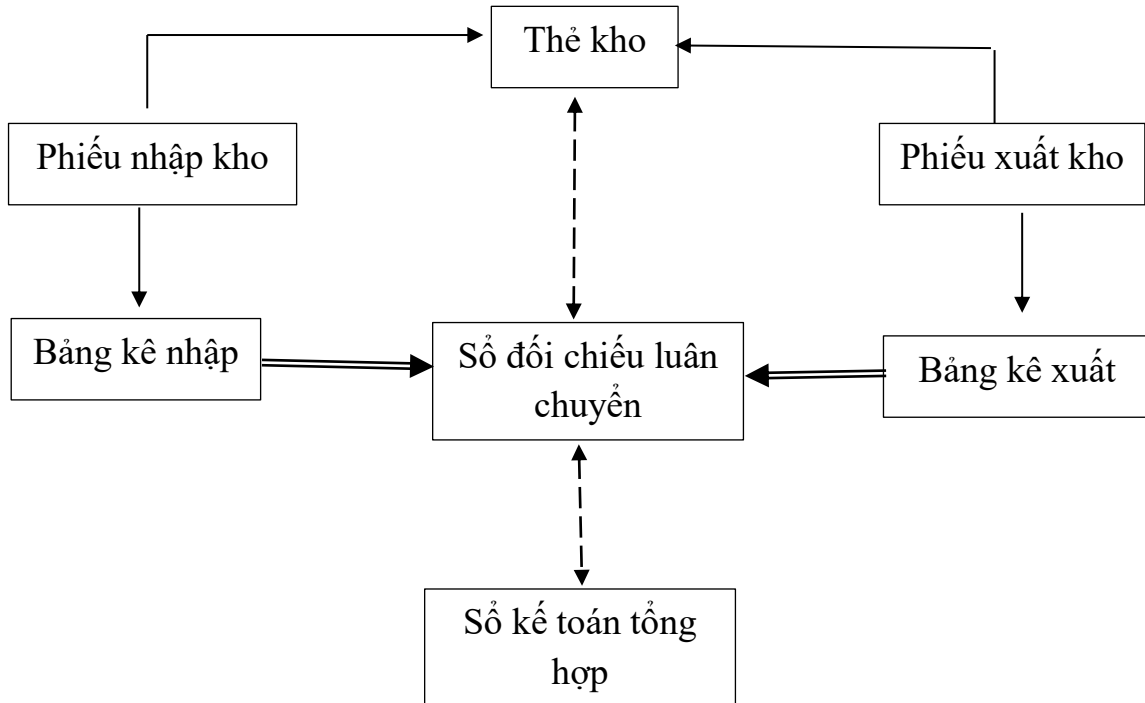
### 1.2.2 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

Nguyên tắc hạch toán theo phương pháp này là ở kho theo dõi về mặt số lượng còn phòng kế toán ghi chép cả về mặt số lượng và giá trị theo từng kho, từng thứ từng loại nguyên vật liệu nhưng chỉ ghi một lần vào cuối tháng

- Ở kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập xuất tồn kho của từng thủ nguyên vật liệu như phương pháp ghi thẻ song song.

- Ở phòng kế toán: Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tình hình nhập xuất tồn kho thứ vật liệu theo từng kho dùng cho cả năm. Sổ đối chiếu luân chuyển chỉ ghi mỗi tháng một lần vào cuối tháng. Để có số liệu ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển kế toán tổng hợp các chứng từ nhập – xuất phát sinh trong

tháng của từng loại vật tư, kê toán lập bảng kê nhập vật liệu, xuất vật liệu rồi ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển, cuối tháng sẽ tiến hành kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và sổ kế toán tổng hợp



Sơ đồ 1.2 : Sơ đồ kế toán chi tiết theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

Ghi chú: Ghi hàng ngày hoặc định kỳ —————→

Ghi cuối kỳ ══════════→

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←-----→

+ Ưu điểm: Giảm được khối lượng ghi chép do chỉ ghi một lần vào cuối tháng giảm được số lượng sổ sách

+ Nhược điểm. Việc ghi số vẫn bị trùng lặp (ở phong kế toán vẫn theo dõi cả chỉ tiêu hiện vật và chỉ tiêu giá trị), việc kiểm tra đối chiếu số liệu giữa kho và phòng kế toán chỉ tiến hành vào cuối tháng nên hạn chế tác dụng kiểm tra trong công tác kế toán

+ Điều kiện áp dụng. Áp dụng thích hợp đối với các doanh nghiệp có khối lượng nghiệp vụ nhập, xuất, tồn kho nhiều, không bỏ trị riêng nhân viên kế toán chi tiết nguyên vật liệu. Do vậy, không có điều kiện ghi chép, theo dõi tình hình kế toán nhập, xuất hàng ngày.

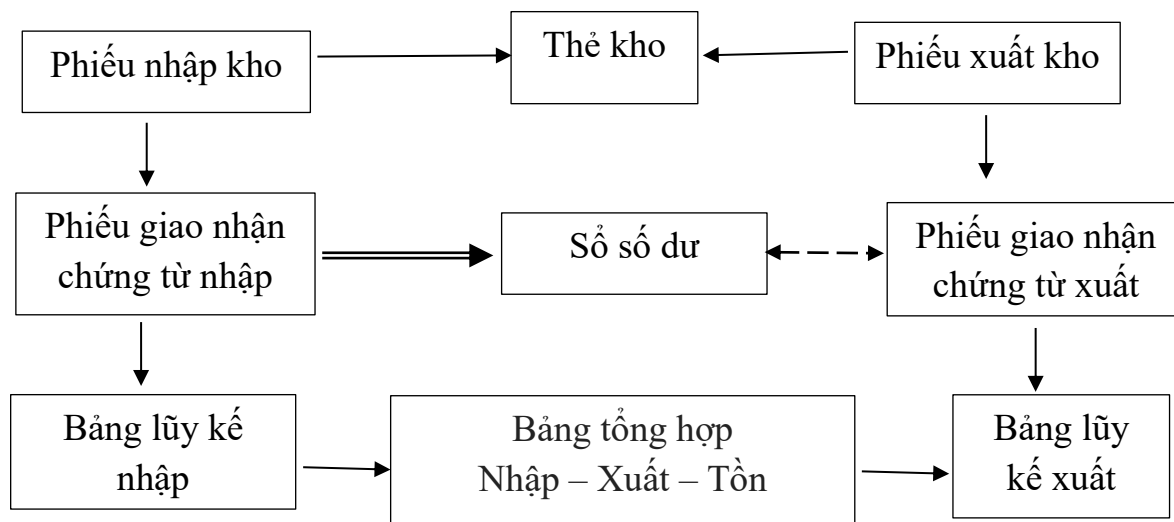
### **1.2.3 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp số dư**

Nguyên tắc hạch toán đối với phương pháp này là ở kho theo dõi về mặt số lượng, từng thứ nguyên vật liệu phòng kế toán chỉ theo dõi giá trị từng nhóm nguyên vật liệu

- Ở kho Thủ kho dùng thẻ kho để theo dõi tình hình nhập xuất, tồn nguyên vật liệu về mặt số lượng. Cuối tháng phải ghi số tồn kho đã tính được trên thẻ kho sang sổ số dư vào cột số lượng. Số số dư do kế toán lập được mở cho từng kho

- Ở phòng kế toán. Kế toán mở sổ số dư theo từng kho, dùng cho cả năm để ghi số tồn kho cuối tháng của từng thứ, từng nhóm, từng loại nguyên vật liệu theo chỉ số tồn kho cuối tháng của từng thứ, từng nhóm, từng loại nguyên vật liệu theo chỉ tiêu giá trị. Khi nhận được phiếu nhập kho, phiếu xuất kho kế toán tiến hành kiểm tra và căn cứ vào đó để lập bảng kê nhập, bảng kê xuất để ghi chép tình hình nhập xuất nguyên vật liệu hàng ngày hoặc định kỳ. Từ các bảng kê nhập, xuất kế toán lập bảng lũy kế nhập, lũy kế xuất rồi từ bảng kê này lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho theo từng nhóm, từng loại nguyên vật liệu theo chỉ tiêu giá trị.

- Cuối tháng khi nhận được sổ số dư và đơn giá hạch toán để tính ra số tồn kho của từng thứ, từng nhóm, từng loại nguyên vật liệu theo chỉ tiêu giá trị để ghi vào cột số tiền ở sổ số dư Bảng lũy kế xuất



Sơ đồ 1.3 : Sơ đồ kế toán chi tiết theo phương pháp số số dư

Ghi chú: Ghi hàng ngày hoặc định kỳ  $\longrightarrow$   
 Ghi cuối kỳ  $\Longrightarrow$   
 Quan hệ đối chiếu, kiểm tra  $\longleftrightarrow$

### 1.3 Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp liên quan đến việc nhập, xuất nguyên liệu vật liệu đều phải lập chứng từ một cách kịp thời đầy đủ, chính xác theo chế độ quy định ghi chép ban đầu về nguyên vật liệu đã được nhà nước ban hành. Mỗi bản chứng từ cần chứa đựng tất cả các chỉ tiêu đặc trưng của nghiệp vụ.

\* Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- Biên bản kiểm kê
- Hoá đơn kiêm phiếu xuất kho
- Hoá đơn kiêm vận chuyển

\* Sổ kế toán sử dụng:



- Sổ chi tiết nguyên vật liệu
- Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu
- Sổ đối chiếu luân chuyển, sổ số dư, sổ cái tài khoản 151, 152.
- Bảng kê nhập, xuất (nếu có).

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là hạch toán tổng hợp vật liệu, ghi chép sự biến động về mặt giá trị của nguyên vật liệu trên các sổ kế toán tổng hợp

Để hạch toán đúng quy định của hệ thống kế toán hiện hành, kế toán cần lưu ý rằng nguyên vật liệu thuộc nhóm hàng tồn kho nên hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu có thể tiến hành theo một trong hai phương pháp sau:

- + Phương pháp 1: Kê khai thường xuyên
- + Phương pháp 2: Kiểm kê định kỳ

### **1.3.1 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên**

Phương pháp kê khai thường xuyên nguyên vật liệu là phương pháp ghi chép, phản ánh thường xuyên liên tục tình hình nhập, xuất, tồn kho các loại nguyên vật liệu trên các tài khoản và sổ kế toán tổng hợp khi có các chứng từ nhập, xuất hàng tồn kho. Như vậy xác định giá trị thực tế vật liệu xuất dùng được căn cứ vào các chứng từ xuất kho sau khi đã được tập hợp, phân loại theo các đối tượng sử dụng để ghi vào tài khoản và sổ kế toán. Ngoài ra giá trị vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho trên tài khoản, sổ kế toán xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kiểm tra.

$$\text{Trị giá vật tư cuối kỳ} = \text{Trị giá vật tư tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vật tư nhập trong kỳ} - \text{Trị giá vật tư xuất trong kỳ}$$

- Cuối kỳ kế toán so sánh giữa số liệu kiểm kê thực tế vật tư, hàng hóa tồn kho và số liệu vật tư, hàng hóa tồn kho trên sổ kế toán nếu có sai sót chênh lệch thì phải xử lý kịp thời. Phương pháp kê khai thường xuyên hàng tồn kho được áp dụng trong phần lớn các doanh nghiệp sản xuất và các doanh nghiệp thương mại, kinh doanh những mặt hàng có giá trị lớn hàng có kỹ thuật, chất lượng cao.

+ Ưu điểm : Xác định đánh giá về số lượng và giá trị hàng tồn kho vào từng thời điểm xảy ra nghiệp vụ. Nắm bắt, quản lý hàng tồn kho thường xuyên, liên

tục, góp phần điều chỉnh nhanh chóng kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Giảm tình trạng sai lầm giữa thủ kho và kế toán trong ghi chép và quản lý

+ Nhược điểm : Khối lượng ghi chép nhiều, áp lực cho người làm

### ***Tài khoản kế toán sử dụng***

Tài khoản 152 : Nguyên liệu, vật liệu

Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình tăng giảm các loại nguyên liệu vật liệu theo giá thực tế.

Kết cấu nội dung tài khoản 152 :

Bên Nợ:

+ Giá trị thực tế nguyên, vật liệu nhập kho trong kỳ

+ Giá trị của nguyên vật liệu thừa khi kiểm kê

Bên Có:

+ Giá trị thực tế nguyên, vật liệu xuất kho

+ Giá trị thực tế nguyên, vật liệu trả lại cho người bán hoặc được giảm giá.

+ Chiết khấu thương mại được hưởng

+ Nguyên, vật liệu thiếu khi kiểm kê

Dư Nợ: Giá trị thực tế của nguyên, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

Tài khoản 151 : Hàng mua đang đi đường

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của các loại nguyên vật liệu, vật tư mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển hoặc mua về nhưng đang chờ kiểm để nhập kho.

Kết cấu nội dung tài khoản 151 :

Bên Nợ:

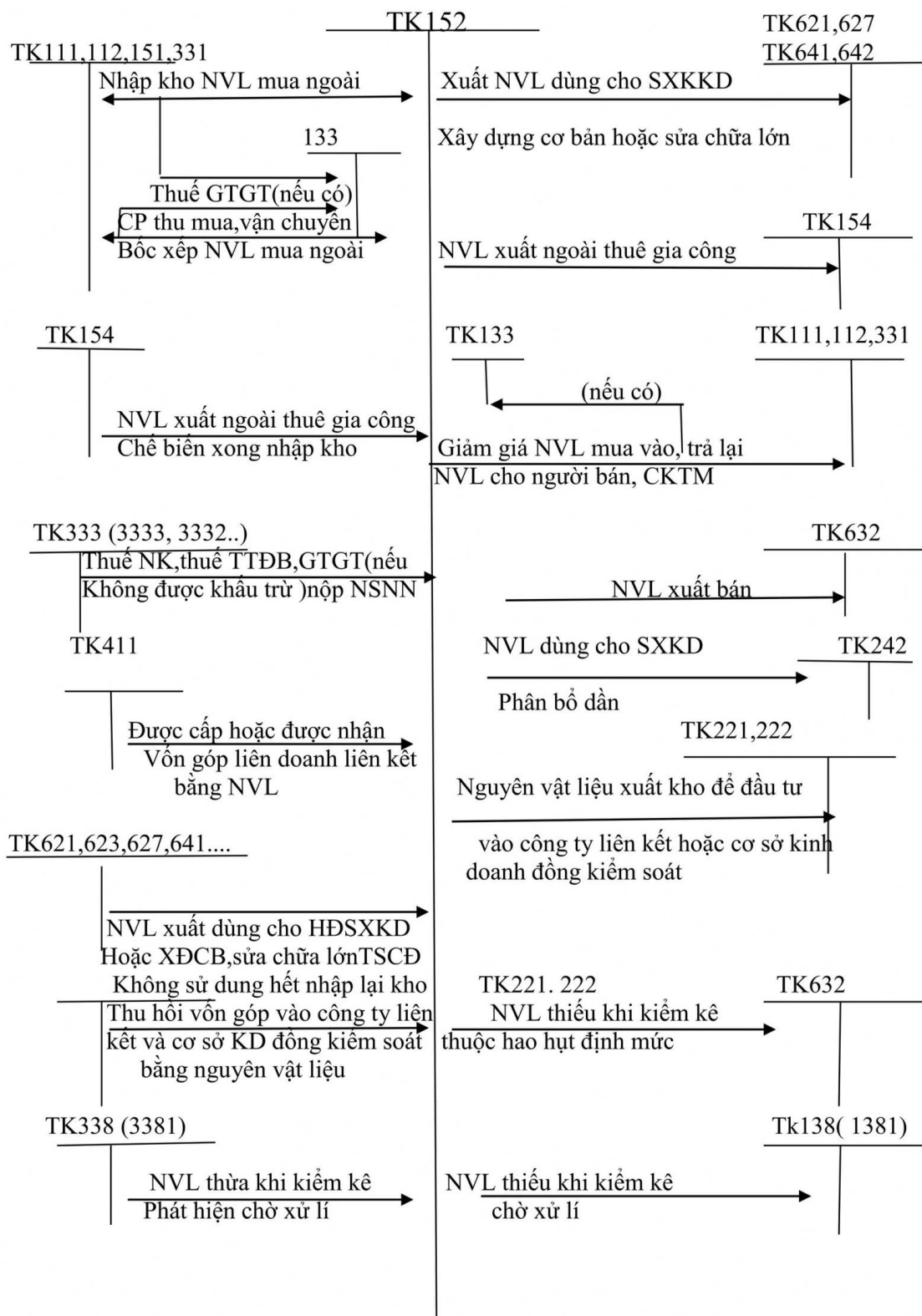
+ Phản ánh giá trị nguyên vật liệu đang đi trên đường

Bên Có: Giá trị nguyên vật liệu đã về nhập kho hoặc giao thẳng cho khách hàng

Dư Nợ: Phản ánh giá trị nguyên vật liệu đã mua nhưng chưa về nhập kho

Ngoài ra trong quá trình hạch toán kế toán còn một số tài khoản liên quan khác như : TK 133, TK 331. TK 111, TK 112, ...

## Trình tự hạch toán



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

### 1.3.2 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kì

Phương pháp kiểm kê định kỳ hàng tồn kho là phương pháp không theo dõi thường xuyên liên tục tình hình nhập, xuất hàng tồn kho trên các tài khoản hàng tồn kho, mà chỉ theo dõi phản ánh giá trị hàng tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ căn cứ vào số liệu kiểm kê định kỳ hàng tồn kho.

Việc xác định giá trị NVL xuất dùng trên tài khoản kế toán tổng hợp không căn cứ vào chứng từ xuất kho mà lại căn cứ vào giá trị NVL tồn kho định kỳ, mua (nhập) trong kỳ và kết quả kiểm kê cuối kỳ để tính. Chính vì vậy, trên tài khoản tổng hợp không thể hiện rõ giá trị NVL xuất dùng cho từng đối tượng, các nhu cầu sản xuất khác nhau: *Sản xuất hay phục vụ quản lý sản xuất cho nhu cầu bán hàng hay quản lý doanh nghiệp ...*

Hơn nữa trên tài khoản tổng hợp cũng không thể biết được số mất mát, hư hỏng, tham ô...(nếu có), phương pháp kiểm kê định kỳ được quy định áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất có quy mô nhỏ.

$$\begin{aligned} \text{Trị giá vật} &= \text{Trị giá vật tư} + \text{Tổng giá vật tư mua} - \text{Trị giá vật tư} \\ \text{tư xuất kho} & \quad \text{tồn đầu kỳ} \quad \quad \text{vào trong kỳ} \quad \quad \text{tồn cuối kỳ} \\ & + \text{Ưu điểm : Khối lượng ghi chép không nhiều} \end{aligned}$$

+ Nhược điểm : Công việc kế toán dồn vào cuối kỳ, khó phát hiện sai sót nếu khi kiểm kê hàng thực tế nhập kho không trùng với sổ ghi kế toán

#### ***Tài khoản kế toán sử dụng***

Tài khoản 611 : Mua hàng

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị nguyên vật liệu hàng hóa mua vào trong kỳ. Ngoài ra kế toán còn sử dụng một số tài khoản như : TK 111, TK 112, ...

Kết cấu nội dung tài khoản 611 : Tài khoản chi phí, tài khoản trung gian không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.

Bên Nợ:

– Kết chuyển giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê)

– Giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, mua vào trong kỳ

Bên Có:

– Kết chuyển giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê)

– Giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hoá xuất bán (chưa được xác định là đã bán trong kỳ)

– Giá gốc nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hoá mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá.

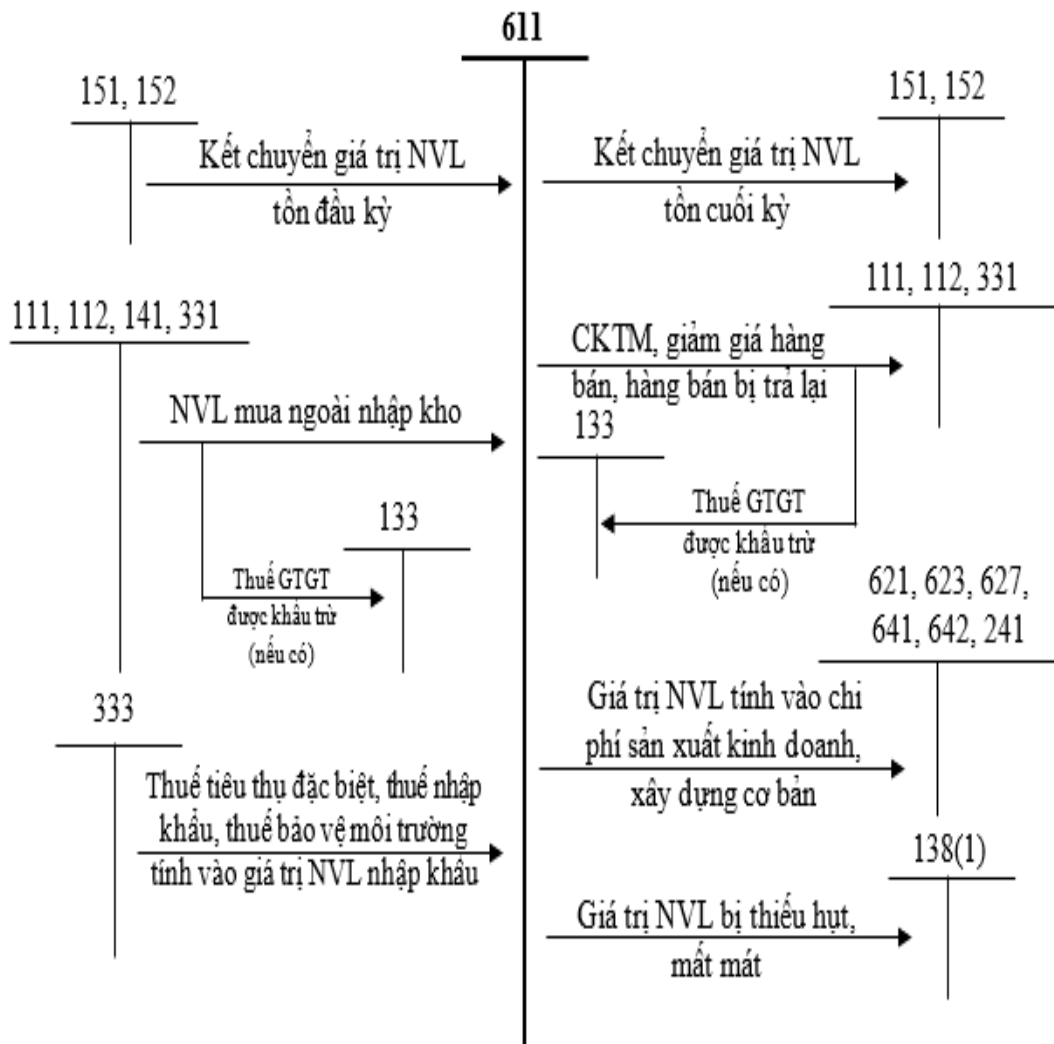
– Tài khoản 611 – Mua hàng không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 611 Mua hàng có 2 tài khoản cấp 2 :

- Tài khoản 6111 – Mua nguyên liệu, vật liệu: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ mua vào, xuất sử dụng trong kỳ kế toán và kết chuyển giá trị nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ kế toán.

- Tài khoản 6112 – Mua nguyên vật liệu: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị nguyên vật liệu mua vào, xuất bán trong kỳ kế toán và kết chuyển giá trị nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ, tồn kho cuối kỳ kế toán.

## Trình tự hạch toán



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

### 1.4 Kế toán dự phòng giảm giá nguyên vật liệu hàng tồn kho

**Dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho** được hiểu là một khoản dự phòng khi có sự suy giảm của giá trị thuần thấp hơn giá trị hàng tồn kho ghi sổ. Là giá trị thấp hơn so với giá trị mà đã ghi sổ của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng này chỉ được thực hiện khi doanh nghiệp có những bằng chứng chứng minh sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### \* Đối tượng áp dụng

Nguyên vật liệu sử dụng mà giá trị trên thực tế nhỏ hơn giá trị đang hạch toán trên sổ kế toán đồng thời đảm bảo các điều kiện:

- Có chứng từ, hóa đơn hợp pháp hoặc các bằng chứng hợp lý chứng minh giá vốn hàng tồn kho.

- Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp.

\* Thời điểm lập

Thời điểm trích lập đồng thời hoàn nhập các chi phí **dự phòng giảm giá nguyên vật liệu** chính là thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

\* Điều kiện lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho

- Chỉ trích lập khi có bằng chứng tin cậy về việc suy giảm giá trị thuần so với giá gốc. Dự phòng là khoản dự tính trước nhằm mục đích để đưa vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

- Được lập theo đúng các quy định của chuẩn mực kế toán và trùng thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Tính theo từng loại hàng hóa, vật tư tồn kho. Tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt với dịch vụ cung cấp dở dang.

- Giá trị thuần của hàng tồn kho là giá bán ước tính trong kỳ trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành và bán sản phẩm.

- Căn cứ vào giá gốc, giá trị thuần, số lượng có thể thực hiện của từng loại hàng hóa, vật tư, dịch vụ cung cấp dở dang, xác định khoản dự phòng chi phí giảm giá hàng tồn kho phải lập: Nếu khoản chi phí đang ghi trên sổ kế toán thấp hơn chi phí phải lập ở cuối kỳ này thì số chênh lệch lớn hơn được ghi tăng giá vốn hàng bán và dự phòng. Trường hợp nhỏ hơn thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán, giảm dự phòng.

\* Phương pháp xác định mức dự phòng

$$\begin{matrix} \text{Mức trích lập} \\ \text{dự phòng giảm} \\ \text{giá hàng tồn kho} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Lượng hàng tồn} \\ \text{kho thực tế tại} \\ \text{thời điểm lập báo} \\ \text{cáo tài chính năm} \end{matrix} \times \left[ \begin{matrix} \text{Giá gốc hàng} & \text{Giá trị thuần} \\ \text{tồn kho theo} & \text{có thể thực} \\ \text{sổ kế toán} & \text{hiện được của} \\ & \text{hàng tồn kho} \end{matrix} \right]$$

Trong đó: Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm trừ đi chi phí hoàn thành và tiêu thụ sản phẩm (ước tính).

\* Tài khoản và chứng từ sử dụng

+ Tài khoản 2294 : Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

**Bên Nợ:**

- Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết

- Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất xảy ra.

**Bên Có :**

- Trích lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Số dư bên Có:**

- Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

+ Chứng từ sử dụng :

- Hoa đơn chứng từ phản ánh giá gốc của hàng tồn kho được lập dự phòng

- Biên bản kiểm kê số lượng hàng tồn kho tại thời điểm lập dự phòng Bảng tổng hợp mức lập dự phòng

- Bảng chứng tin cậy về giá bán ước tính hàng tồn kho được lập dự phòng

\* Phương pháp kê trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho

a) Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý khi lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho lần đầu tiên, ghi :

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 229 4 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

b, Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý) tiếp theo

– Khi lập Báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho phải lập kỳ này lớn hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi :

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán



Có TK 229 4 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Khi lập Báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho phải lập kỳ này nhỏ hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán hoàn nhập phân chênh lệch, ghi :

Nợ TK 229.4 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán

- Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho, nguyên vật liệu bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, ghi:

Nợ TK 229.4 - so đang bù đắp bằng dự phòng

Nợ TK 632 - Giá vốn (nếu số tồn thất cao hơn số đã lập dự phòng)

Có TK152

- Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho trước khi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chuyển thành công ty cổ phần. Khoản dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho sau khi bù đắp tổn thất, nếu được hạch toán tăng vốn nhà nước, ghi:

Nợ TK 229,4 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 411 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu

### **1.5 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp**

Theo điều 122 TT 200/2014/QĐ-BTC đã quy định: các doanh nghiệp được phép tự xây dựng biểu mẫu sổ kế toán cho riêng mình nhưng phải đảm bảo cung cấp thông tin về giao dịch kinh tế một cách minh bạch, đầy đủ, dễ kiểm tra, dễ kiểm soát và dễ đối chiếu. Trường hợp các doanh nghiệp không thể tự xây dựng biểu mẫu sổ kế toán, doanh nghiệp có thể áp dụng biểu mẫu sổ kế toán theo hướng dẫn tại phụ lục số 4 theo TT 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

Theo phụ lục này, doanh nghiệp có thể áp dụng một trong 5 hình thức sau:

- Hình thức kế toán nhật ký chung
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán nhật ký sổ cái

- Hình thức kế toán nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

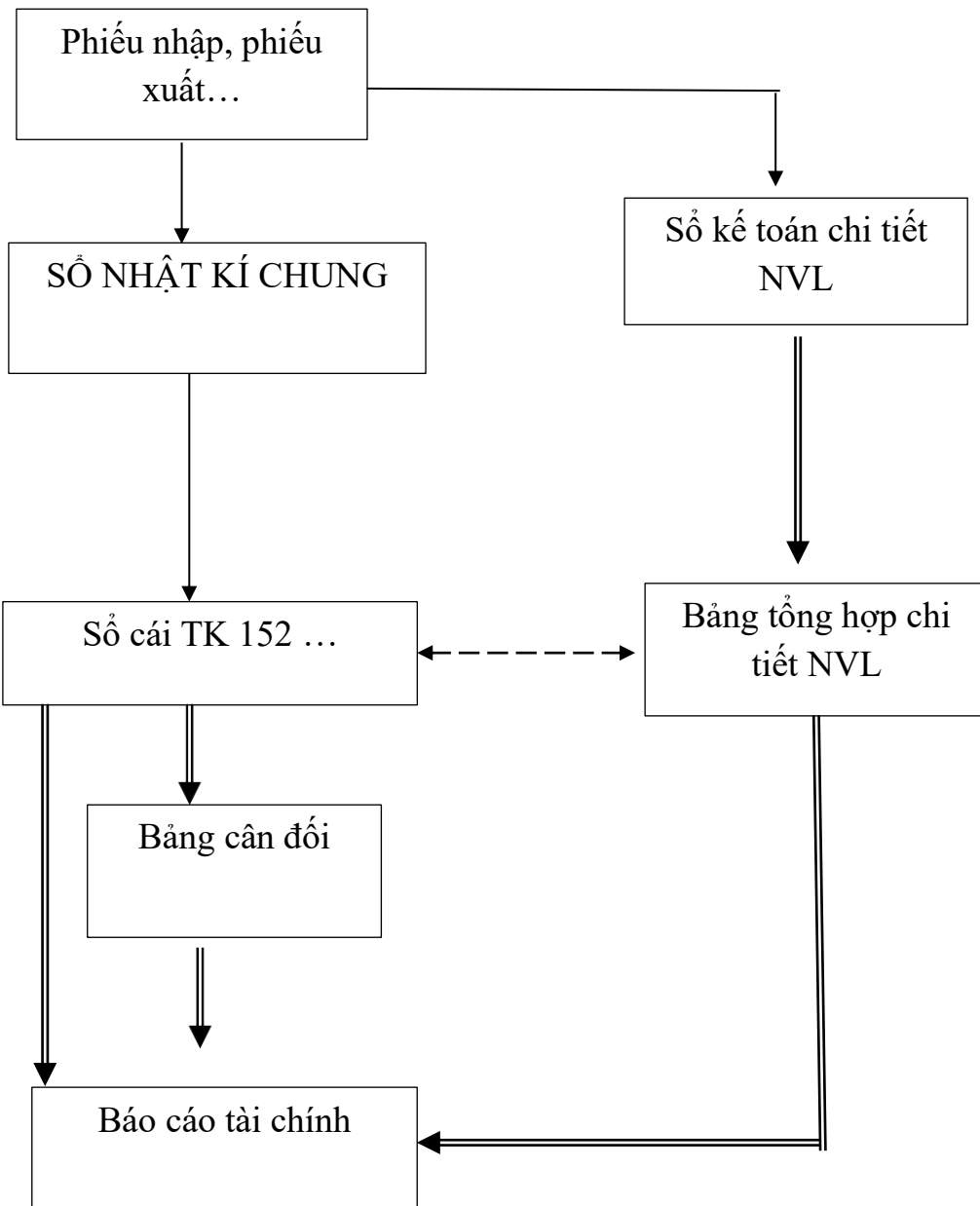
### **1.5.1 Hình thức kế toán nhật ký chung**

Tất cả mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được căn cứ vào chứng từ gốc hoặc bảng kê chứng từ gốc để ghi chép vào nhật ký chung theo trình tự thời gian. Định kỳ sẽ căn cứ vào số liệu của nhật ký chung để kế toán ghi chép vào sổ cái.

+ Hình thức kế toán nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán nhật ký chung: Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra dùng làm căn cứ ghi sổ, đầu tiên ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập bảng Cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và bảng Tổng hợp chi tiết lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.



Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung

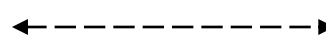
Ghi chú: Ghi hàng ngày hoặc định kỳ



Ghi cuối kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



### 1.5.2 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán được đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

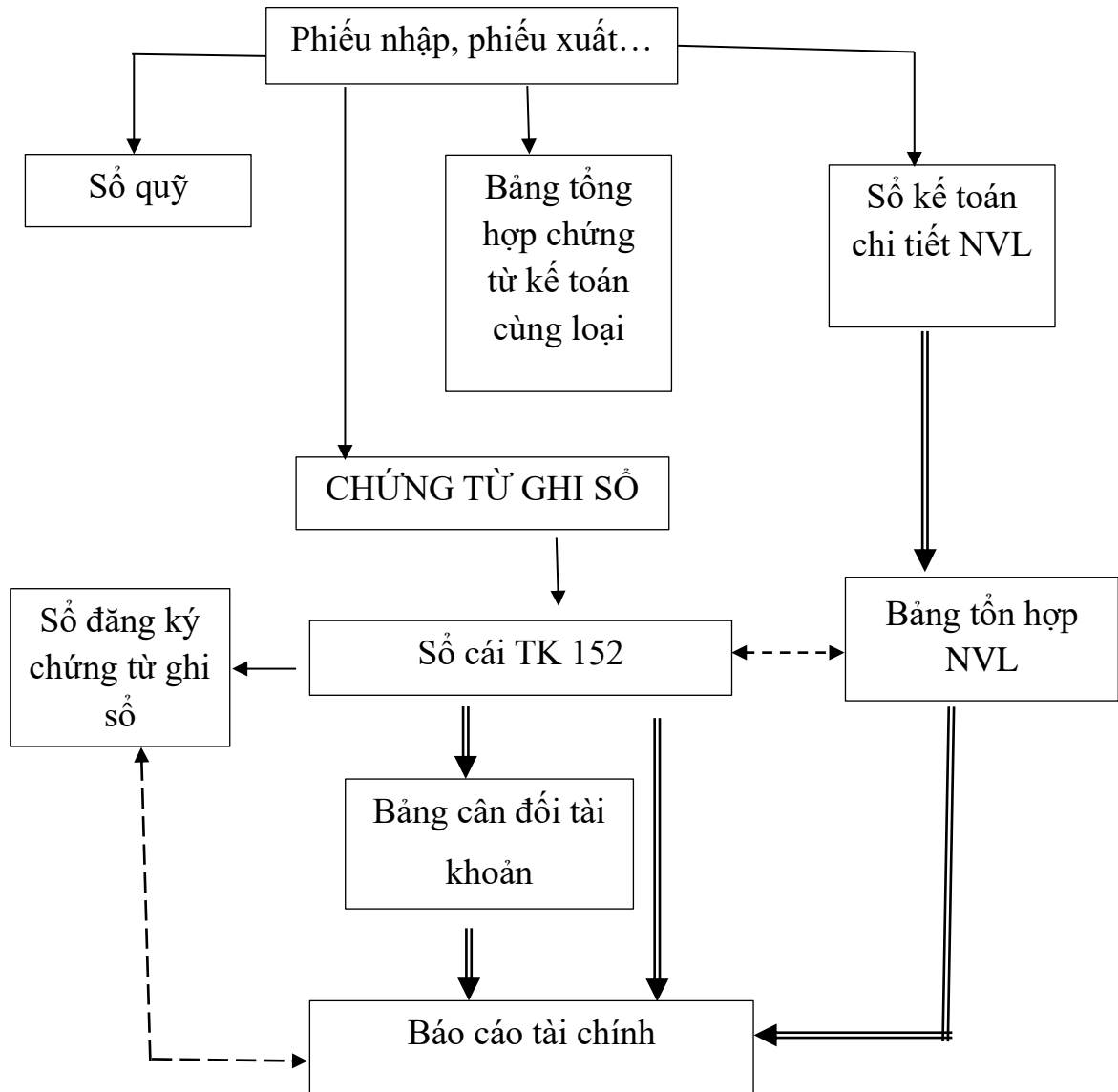
- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ được kế toán lập dựa trên cơ sở chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

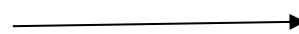
- + Chứng từ ghi sổ
- + Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ
- + Sổ cái
- + Các Sổ, thẻ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ: Hàng ngày, căn cứ vào các Chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó ghi vào sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan. Cuối tháng phải khóa sổ tính ra tổng số tiền các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ cái. Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau



Sơ đồ 1.7 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Ghi chú: Ghi hàng ngày hoặc định kỳ



Ghi cuối kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



### 1.5.3 Hình thức kế toán nhật ký - sổ cái

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính đã phát sinh được ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ nhật ký – sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ nhật ký – sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

+ Nhật ký - Sổ Cái

+ Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết

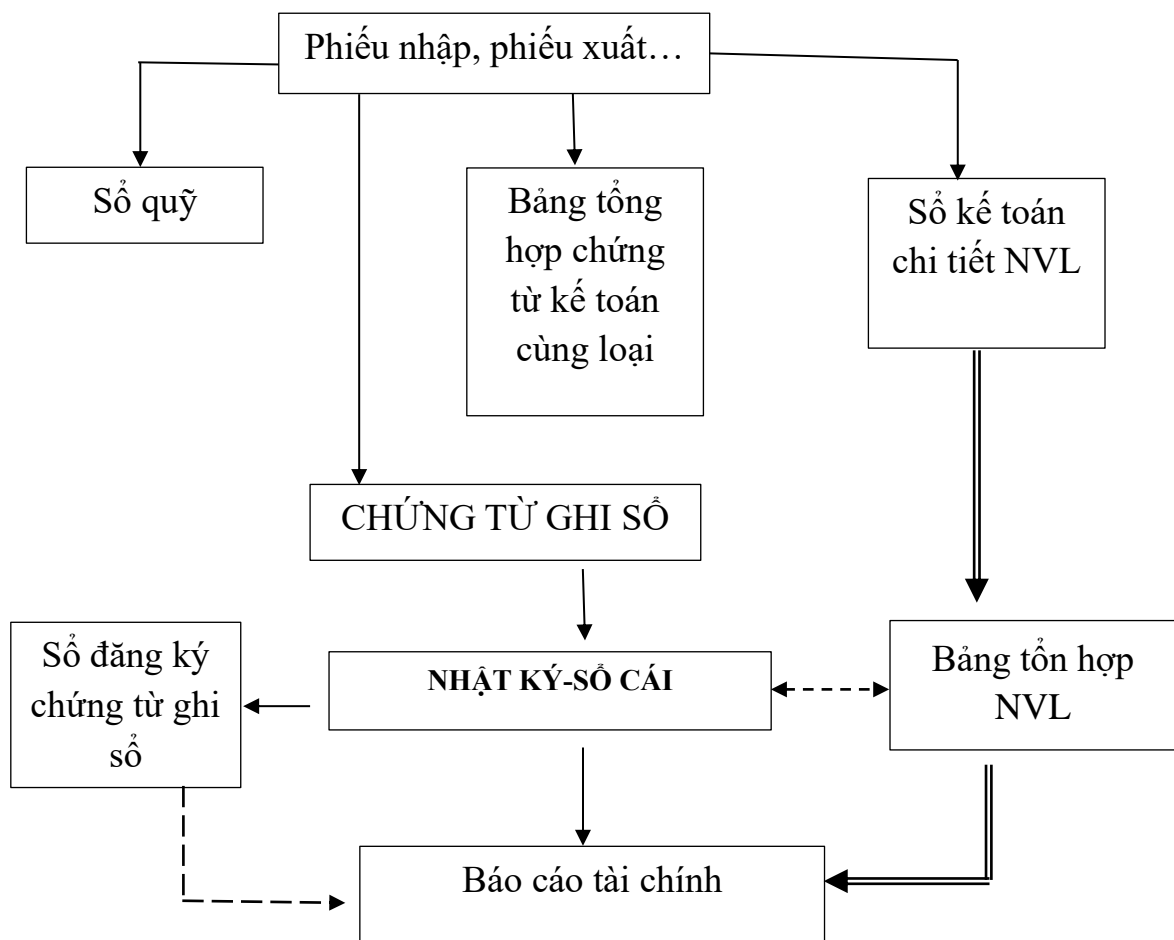
Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán nhật ký – sổ cái: Hàng ngày căn cứ vào chứng từ kế toán như phiếu nhập kho, phiếu xuất kho nguyên vật liệu... hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký - Sổ Cái, được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan. Cuối tháng phải cộng số tiền phát sinh ở phần nhật ký và số phát sinh nợ, số phát sinh có, tính ra số dư và cộng lũy kế số phát sinh từ đầu quý của từng tài khoản để làm căn cứ lập Báo cáo tài chính. Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký - Sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a)

Tổng số tiền của cột = Tổng số phát sinh Nợ = Tổng số phát Có

Phát sinh ở Sổ Nhật ký            tất cả các tài khoản            của tất cả các tài khoản

(b) Tổng số dư Nợ của các Tài khoản = Tổng số dư Có của các tài khoản

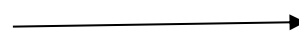


Sơ đồ 1.8 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Ghi chú: Ghi hàng ngày hoặc định kỳ

Ghi cuối kỳ

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



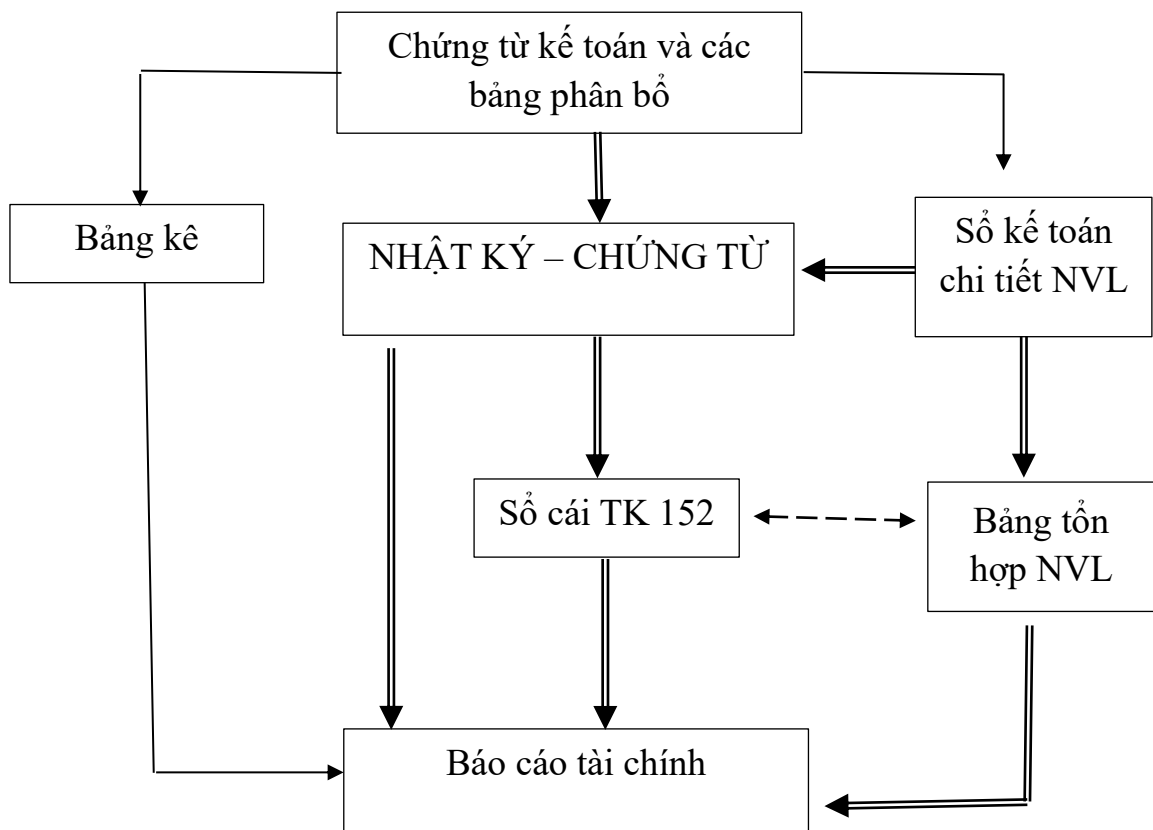
#### 1.5.4 Hình thức kế toán nhật ký chứng từ

Nội dung và trình tự sẽ được phản ánh vào các sổ sách kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ kết hợp giữa việc ghi chép các nghiệp vụ phát sinh theo trình tự thời gian.

Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- + Nhật ký chứng từ
- + Bảng kê
- + Sổ Cái
- + Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ: Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, số chi tiết có liên quan. Trường hợp chi hàng ngày vào bảng kê thì cuối tháng phải chuyển số liệu tổng hợp của bảng kê vào Nhật ký chứng từ. Chứng từ gốc sau khi ghi vào Nhật ký chứng từ, hoặc bảng kê được chuyển sang các bộ phận kế toán chi tiết để ghi vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết. Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái. Sau khi khớp số liệu, số liệu sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong nhật ký chứng từ, bảng kê và các bảng tổng hợp chi tiết là cơ sở để lập bảng cân đối kế toán và các báo cáo kế toán khác.

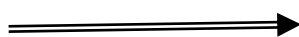
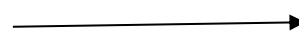


Sơ đồ 1.9 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ

Ghi chú: Ghi hàng ngày hoặc định kỳ

Ghi cuối kỳ

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



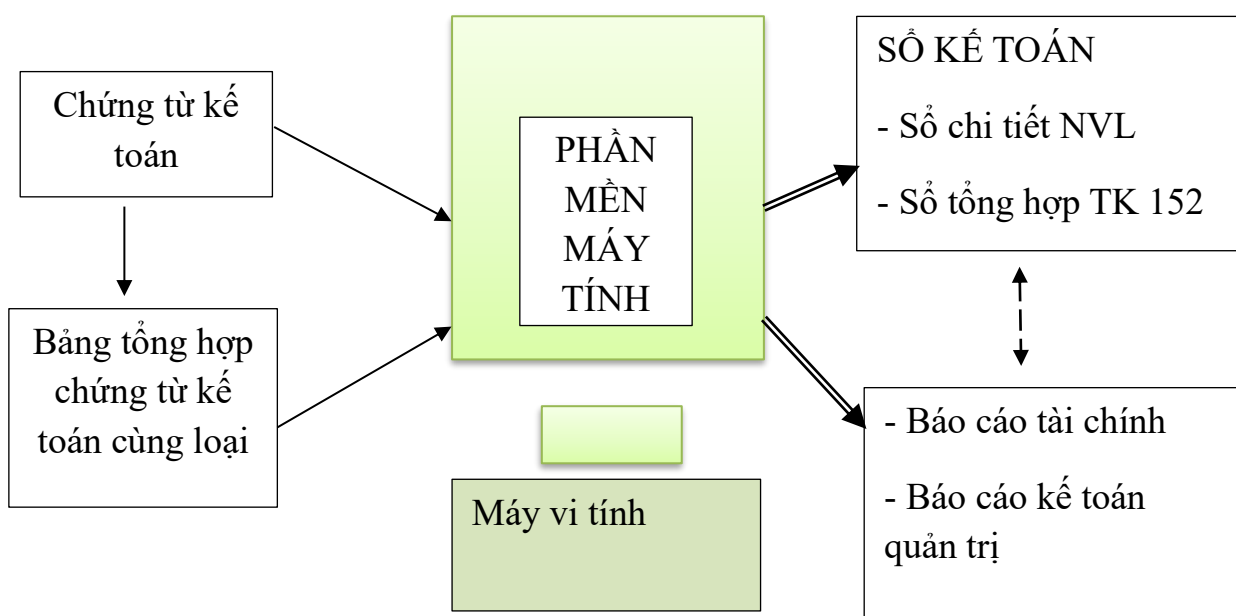


### 1.5.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

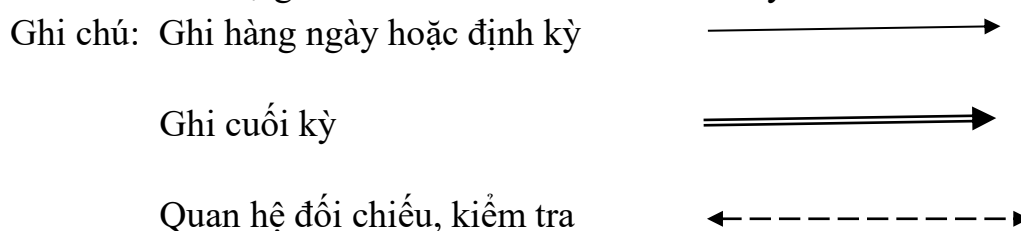
Đặc trưng cơ bản của hình thức này là công việc kế toán được thực hiện trên một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ các quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo đúng quy định. Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng sẽ không giống hoàn toàn mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán trên máy tính: Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã kiểm tra, dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ/ Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan. Cuối tháng hoặc vào thời điểm cần thiết, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa các số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn bảo đảm chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định và sổ kế toán ghi bằng tay.



Sơ đồ 1.10 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Máy vi tính



## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH SINCHI VIỆT NAM

#### 2.1 Khái quát về Công ty TNHH Sinchi Việt Nam

##### 2.1.1 Lịch sử hình thành , phát triển và đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Sinchi Việt Nam

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Sinchi Việt Nam
- Tên quốc tế: SIN CHI (VIETNAM) CO.,LTD
- Địa chỉ: Lô L1.6, Lô L1.7 và 1/2 Lô L1.8 KCN Đồ Sơn, , Quận Đồ Sơn, Hải Phòng
- Mã số thuế: 0200787754
- Đại diện pháp luật: CHEN KO LIN
- Quản lý bởi: Cục thuế Hải Phòng
- Điện thoại: 0225.3867.996
- Fax: 0225.3867.689
- Website: <http://www.sinchi.vn/vn/about-1.html>

Giới thiệu khái quát : Công ty TNHH SINCHI Việt Nam là doanh nghiệp đa ngành chuyên sản xuất đúc áp lực, gia công, lắp ráp các linh kiện bằng hợp kim nhôm. Là doanh nghiệp vận hành trên tinh thần ổn định, thiết thực. Công ty SINCHI trong ngành công nghiệp này có lợi thế là sản xuất đúc chính xác và công nghệ gia công CNC độ chính xác cao; Ngoài ra còn có một loại công đoạn chế tạo phụ trợ hoàn chỉnh gồm các công đoạn như mài, sửa via, xử lý bề mặt, phun sơn đến lắp ráp, đóng gói, sẽ luôn đáp ứng được nhu cầu phát triển của khách hàng. Chúng tôi chân thành chào đón các doanh nghiệp trong và ngoài nước cũng thảo luận và hợp tác với chúng tôi. Chủ yếu gia công chế tạo các sản phẩm như Linh kiện ô tô, xe máy, khung đầu máy khâu, linh kiện cơ khí điện tử .

Công ty SINCHI Taiwan tại Đài Nam –Đài Loan được thành lập vào năm 1967, từ những ngày đầu mới thành lập các sản phẩm mà công ty chủ yếu hướng tới sản xuất về các sản phẩm dụng cụ nhà bếp ,dụng cụ gia đình. Đến năm1993

xưởng sản xuất đúc gia công chế tạo OEM đã được thành lập tại Đông Quán ,Quảng Đông ,Trung Quốc. Từ năm 1993 đến năm 2008 doanh nghiệp bắt đầu từng bước chuyển đổi ,trước kia doanh nghiệp chỉ chú trọng sản xuất các sản phẩm về dụng cụ nhà bếp thì nay đã từng bước chuyển đổi sang sản xuất chế tạo linh kiện cơ khí ,linh kiện điện tử

Vào năm 2008 công ty SINCHI Taiwan đã mở thêm chi nhánh tại Việt Nam vào ngày 11-1-2008 được thành lập theo giấy phép đầu tư số 0220430 00022 do Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Hải Phòng cấp phép công ty TNHH Sinchi Việt Nam chính thức ra đời. Năm 2009 công ty TNHH Sinchi Việt Nam nằm tại lô L1.6, lô L1.7 và 1/2 lô L1.8, khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam chính thức bước vào hoạt động sản xuất. Cũng giống như công ty mẹ các mặt sản xuất của công ty TNHH Sinchi Việt Nam là khung máy khâu , linh kiện điện tử , dụng cụ nhà bếp. Vào tháng 4 năm 2012 công ty chính thức đưa vào sản xuất các sản phẩm khung máy khâu, linh kiện điện tử, dụng cụ nhà bếp, tháng 10 cùng năm công ty thông qua chứng nhận ISO 9001:2008. Đến tháng 6 năm 2017 công ty thông qua chứng nhận ISO 9001:2015. Từ thời gian đó đến công ty vẫn hoạt động ổn và từng bước phát triển tốt

### **2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Sinchi Việt Nam**

#### **- Đặc điểm sản xuất**

Công ty TNHH Sinchi Việt Nam chuyên sản xuất các mặt hàng về đúc áp lực, gia công, lắp ráp các linh kiện bằng hợp kim nhôm, ngoài ra còn có một loại công đoạn chế tạo phụ trợ hoàn chỉnh gồm các công đoạn như mài, sửa via, xử lý bề mặt, phun sơn đến lắp ráp, đóng gói. Quá trình tạo ra một sản phẩm có khá nhiều công đoạn và phức tạp mà mỗi loại sản phẩm sẽ có một quy cách tạo ra riêng biệt. Nhìn chung để tạo ra một sản phẩm cần qua một số giai đoạn sau :

- Lập kế hoạch sản xuất sản phẩm theo hợp đồng, đơn đặt hàng
- Công ty chuẩn bị các nguyên vật liệu để đưa vào máy

- Giai đoạn tạo phôi hợp kim nhôm được đun chảy sẽ được cánh tay tự động đổ vào khuôn máy đúc áp lực dàn phun tự động sẽ làm nguội, sản phẩm sẽ được cánh tay tự động lấy ra

- Sản phẩm được đưa tới máy gia công

- Sau khi được gia công sẽ cho xử lý mài via cạnh xử lý mài bóng đập vênh sản phẩm

- Xử lý bề mặt khi gia công sản phẩm sẽ được tẩy rửa bằng bề tẩy dầu tạo màng đánh bóng bằng rung bi phun bi sản phẩm phun bi dạng buồng phun, phun bi bằng tay

- Sản phẩm sau khi được xử lý bề mặt sẽ được phun sơn ở các dạng nước, phun sơn dạng bột, sơn Teflon

- Sau khi hoàn thành các công đoạn trên sản phẩm sẽ được đem đi kiểm tra đóng gói hàng

Trưởng phòng sản xuất sẽ phụ trách kỹ thuật sản xuất, chịu trách nhiệm chỉ đạo sản xuất cho các phân xưởng xử lý các tình huống kiểm tra tiến độ và quá trình làm việc tại các phân xưởng

Việc sử dụng máy móc là do công nhân trực tiếp sử dụng dưới sự giám sát của các nhân viên giám sát. Các phân xưởng có công việc khác nhau nhưng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, các phân xưởng làm việc theo một dây chuyền sản xuất

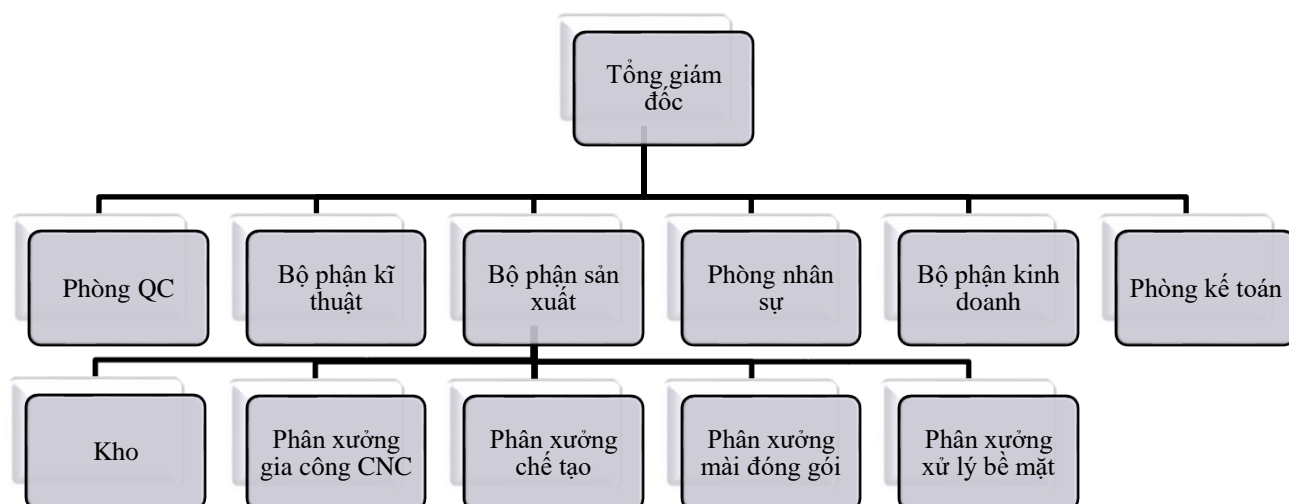
### **- Đặc điểm về kinh doanh**

Công ty TNHH Sinchi Việt Nam hợp tác kinh doanh cả trong và ngoài nước. .Khu vực xuất khẩu chủ yếu như Nhật Bản, Châu Âu, Châu Mỹ, Đài Loan..., ngoài ra còn hợp tác với một số công ty đa quốc gia (tập đoàn ) luôn duy trì mối quan hệ hợp tác ổn định, tốt đẹp

### **2.1.3 Đặc điểm cơ cấu tổ chức công ty**

Đối với bất kỳ một tổ chức kinh doanh nào nếu muốn tồn tại và phát triển đều cần một bộ máy để quản lý, làm việc có hiệu quả . Không ngoại lệ Công ty

TNHH Sinh Việt Nam cũng có một bộ máy quản lý như sau:



Sơ đồ 2-1 : Bộ máy tổ chức

### **Tổng giám đốc:**

Ông CHENKOLIN Tổng giám đốc cũng là người đại diện cho công ty. Ở vị trí cao nhất của doanh nghiệp, Tổng giám đốc có vai trò quyết định đến tình hình của doanh nghiệp. Quản lý, giám sát bao quát toàn bộ các hoạt động của nhân viên, ban lãnh đạo các bộ phận, trực tiếp chỉ đạo và gặp mặt các đối tác quan trọng của doanh nghiệp. Tổng giám đốc là người xác định mục tiêu, hướng phát triển và sứ mệnh của công ty, lập kế hoạch kinh doanh và định hướng chiến lược chung cho công ty, điều hành toàn bộ hoạt động và chịu trách nhiệm cho doanh số, lợi nhuận, hướng phát triển và tăng trưởng của công ty, quản lý nhân viên, phát triển nhân tài để đảm bảo đạt được kết quả tốt nhất

### **- Phòng kế toán**

Phòng kế toán có nhiệm vụ như sau:

+ Ghi chép, tính toán, và báo cáo tình hình hiện có. Ghi chép tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, tiền vốn. Ghi chép lại toàn bộ quá trình sử dụng vốn của công ty. Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh. Kiểm tra

kế hoạch thu chi tài chính. Kiểm tra việc giữ gìn và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn.

+ Phát hiện kịp thời những hiện tượng lãng phí. Ngăn ngừa những vi phạm chế độ, quy định của Công ty.

+ Phổ biến chính sách, chế độ quản lý của nhà nước với các bộ phận liên quan khi cần thiết.

+ Cung cấp các số liệu, tài liệu cho việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Kiểm tra, phân tích hoạt động kinh tế tài chính, phục vụ công tác lập và theo dõi kế hoạch. Cung cấp số liệu báo cáo cho các cơ quan theo chế độ kế toán hiện hành.

+ Là nơi giải quyết các chế độ chính sách phúc lợi có liên quan đến lợi ích của người lao động, cán bộ và công nhân viên trong đơn vị.

#### **- Bộ phận kinh doanh**

Chịu trách nhiệm tham mưu, đưa ra các đề xuất tới lãnh đạo về hoạt động phân phối sản phẩm, dịch vụ của công ty ra thị trường sao cho hiệu quả và nhanh chóng nhất. Phòng kinh doanh cần phải xây dựng phương án để phát triển nguồn khách hàng tiềm năng đồng thời duy trì và phát triển mối quan hệ với khách hàng hiện. Theo dõi, kiểm soát và báo cáo hoạt động của doanh nghiệp. thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của công ty.

Nghiên cứu và xây dựng các chiến lược tiếp cận thị trường, thu hút thêm khách hàng, duy trì và mở rộng mối quan hệ với khách hàng. Lên kế hoạch chi tiết về các hoạt động kinh doanh, bao gồm quy trình, tiến độ sản xuất, chất lượng và số lượng nguồn hàng, xưởng sản xuất,... Thiết lập thông tin, tài liệu, báo giá sản phẩm để làm việc với khách hàng.

#### **- Phòng nhân sự**

Chịu trách nhiệm tuyển dụng, đào tạo phát triển nguồn nhân lực để đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp luôn diễn ra liên tục, hiệu quả. Ngoài ra còn truyền đạt thông tin đến nhân viên công ty một cách nhanh nhất và có một hệ thống các quy định và tiêu chuẩn sẽ được phòng nhân sự thực hiện nhằm quản lý công việc của tất cả nhân viên trong công ty. Thực hiện đánh giá

hiệu quả định kỳ để đưa ra các quyết định khen thưởng để đốc thúc tinh thần làm việc hoặc có giải pháp cải thiện nếu hiệu quả công việc không đảm bảo. Đồng thời phòng nhân sự còn phụ trách việc chăm lo cho đời sống của toàn bộ nhân viên trong công ty. Đại diện công ty xử lý các tranh chấp xảy ra tại công sở

Phòng nhân sự có vai trò quản lý tất cả các vấn đề liên quan đến xây dựng, quản lý và lưu trữ hồ sơ nhân sự, phát triển nguồn nhân lực chất lượng và bền vững nhằm đảm bảo cho doanh nghiệp ngày càng phát triển.

#### **- Bộ phận sản xuất**

Đưa ra đề xuất cho công ty về công tác sản xuất, tồn trữ và bảo quản các thiết bị, máy móc. Thực hiện quá trình sản xuất, bảo quản, vận chuyển, giao nhận hàng hóa phục vụ cho nhu cầu kinh doanh của công ty. Quản lý chi phí sản xuất, đảm bảo sản xuất sản phẩm với chi phí thấp nhất để có lợi nhuận cao nhất. Đảm bảo nguyên liệu luôn có sẵn tại công ty phục vụ cho sản xuất. Đảm bảo luôn bảo trì, bảo dưỡng đúng cách máy móc, thiết bị dùng trong sản xuất.

- ❖ Phân xưởng chế tạo chịu trách nhiệm trong việc gia công phối tạo ra sản theo khuôn mẫu

- ❖ Phân xưởng gia công sử dụng Máy gia công CNC ,phay cắt gia công ,tiện gia công ,khoan lỗ tạo ren

- ❖ Phân xưởng xử lý bề mặt chịu trách nhiệm phun bi ,tạo màng ,đánh bóng cho sản phẩm sau khi được gia công

- ❖ Phân xưởng mài đóng gói là nơi các sản phẩm sẽ được Xử lý via ( xử lý sửa mài ) Xử lý mài bóng ,đập vênh sản phẩm sau khi sản phẩm được xử lí xong sẽ được đóng gói chuyên sang phòng QC để kiểm tra

- ❖ Kho là nơi Quản lý sản phẩm xuất nhập hàng ,nhập trước xuất trước

#### **- Bộ phận kỹ thuật**

Quản lý, điều hành và kiểm tra những hoạt động liên quan đến kỹ thuật, công nghệ của công ty. Mục tiêu nhằm đảm bảo tiến độ sản xuất, kế hoạch và các dự án của công ty. Đồng thời đảm bảo an toàn lao động, chất lượng

cũng như khối lượng và hiệu quả hoạt động của toàn công ty. Nhanh chóng phát hiện và sửa chữa các sự cố, trục trặc, bảo trì, mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn chế tối đa các thiệt hại liên quan đến kỹ thuật cho công ty.

Quản lý, hỗ trợ cho các bộ phận, phòng, ban trong công ty về những vấn đề liên quan đến kỹ thuật, công nghệ trong các dự án, kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp.

#### **- Phòng QC**

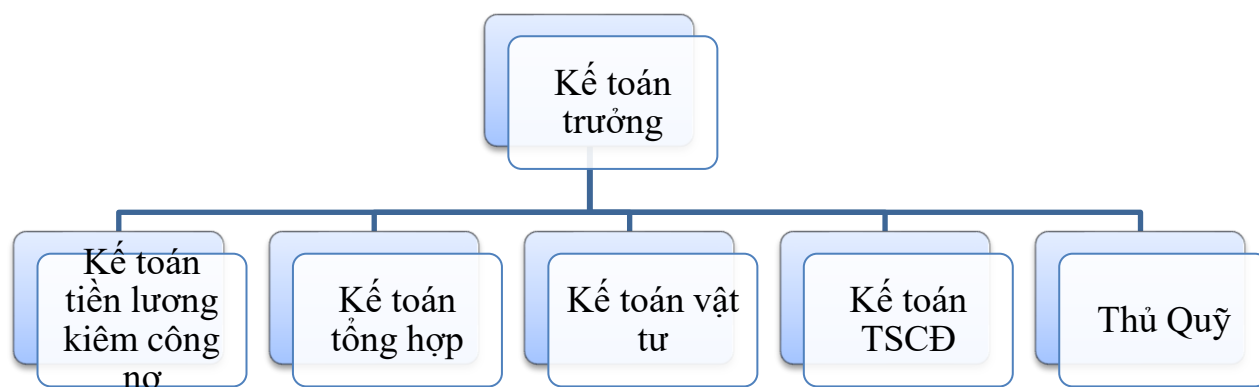
Kiểm tra, kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu nhập vào và chất lượng sản phẩm xuất đi. Nghiên cứu và thiết kế theo yêu cầu của khách hàng. Phối hợp với các bộ phận liên quan để đảm bảo chất lượng của sản phẩm. Quản lý, phân tích, theo dõi và báo cáo kết quả kiểm tra.

Phòng QC có vai trò rất quan trọng trong một công ty sản xuất. Sứ mệnh của Phòng QC là sản xuất và cung cấp ra thị trường những sản phẩm tốt nhất với chất lượng tốt nhất. Phòng QC làm việc trực tiếp tại các phân xưởng nhà máy và giám sát từng công đoạn sản xuất sản phẩm để tránh những rủi ro không cần thiết trong quá trình sản xuất. Nhân viên QC là người chịu trách nhiệm chất lượng nguồn nguyên vật liệu đầu vào và chất lượng sản phẩm đầu ra tới tay khách hàng. Công việc của nhân viên QC diễn ra thường xuyên và liên tục đòi hỏi họ phải chịu áp lực công việc cao. QC góp phần xây dựng nên tên tuổi, thương hiệu cho sản phẩm của doanh nghiệp.

### **2.1.4 Đặc điểm công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Sinchi Việt Nam**

#### **2.1.4.1 Cơ cấu bộ máy kế toán**





Sơ đồ 2-2 : Sơ đồ bộ máy kế toán

### Chức năng nhiệm vụ

Phòng kế toán đặt dưới lãnh đạo của ban Tổng giám đốc công ty có trách nhiệm thực hiện lưu trữ chứng từ và kiểm tra toàn bộ công tác kế toán, thống kê kiểm tra các bộ phận trong công ty, tuân theo đúng các chế độ hạch toán, chế độ quản lý kinh tế tài chính

- **Kế toán trưởng** : là người đứng đầu trong bộ phận kế toán, có nhiệm vụ giám sát và điều hành công việc của các kế toán viên, chịu trách nhiệm chính trong vấn đề tài chính của công ty. Kế toán trưởng sẽ thực hiện các công việc liên quan đến kế toán theo quy định của nhà nước ban hành. Dùng nghiệp vụ chuyên môn để xem xét và đánh giá khả năng tài chính các dự án hoặc công trình trước khi đề xuất lên ban lãnh đạo.

- **Kế toán tổng hợp** : Là người chịu trách nhiệm theo dõi các khoản mục chi phí phát sinh trong kì thu thập, phân loại các chứng từ, lập sổ sách kế toán cho từng bộ phận kế toán viên. Theo dõi chi tiết xuất, nhập, tồn kho hàng hóa, cuối tháng cần có chứng từ gốc để lập báo cáo tổng hợp nhập xuất tồn kho hàng hóa, theo dõi doanh thu giá vốn và xác định kết quả kinh doanh

- **Kế toán TSCĐ**: theo dõi tình hình biến động của TSCĐ, tiến hành trích khấu hao cơ bản về kế hoạch sửa chữa, thay mới TSCĐ cần thiết để phục sản xuất, quản lý trong doanh nghiệp

- **Kế toán vật tư**: Theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho của nguyên vật liệu trong công ty. Mua nguyên vật liệu nhập xuất kho để sử dụng hoặc bán lại

bằng các giấy tờ như: phiếu nhập kho, phiếu xuất kho và nhập vào sổ sách các loại, thẻ kho... đảm bảo phải thật cẩn thận, chi tiết và chính xác.

- **Kế toán công nợ và tiền lương** : Theo dõi tình hình phải thu, phải trả đối các khách hàng, nhà cung ứng cho công ty. Kế toán phải kiểm tra định kỳ hoặc cuối kỳ đối với các khách hàng nợ có mối quan hệ mua bán thường xuyên, hoặc là khách hàng có dư nợ lớn. Kiểm tra, rà soát những khoản nợ phát sinh, đã thanh toán và còn nợ lại

+ Tính toán và hạch toán tiền lương và BHXH, BHYT, BHXH, KPCĐ các khoản thu nhập , trợ cấp cho cán bộ , công nhân viên trong công ty. Hàng tháng ghi nhận các bảng thanh toán lương do các nhân viên kinh tế gửi về, lập bảng phân bổ

- **Thủ quỹ**: có nhiệm vụ thu chi tiền mặt trên các cơ sở các chứng từ thu, các chứng từ chi, giấy tạm ứng và lập sổ theo dõi quỹ, báo cáo tồn quỹ theo quy định. Tuyệt đối không tiết lộ tình hình tài chính của công ty cho người không có thẩm quyền

#### ***2.1.4.2 Chính sách kế toán áp dụng tại công ty***

+ Công ty hiện đang áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 200/2014 TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014

+ Công ty thực hiện đầy đủ các quy định của bộ tài chính về việc lập báo cáo tài chính (bảng cân đối kế toán, bảng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và thuyết minh báo cáo tài chính).

+ Hình thức ghi sổ : Nhật kí chung

+ Niên độ kế toán : Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm

+ Đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán : Việt Nam đồng

+ Hình thức kê khai thuế : theo phương pháp khấu trừ thuế

+ Phương pháp khấu hao TSCĐ : theo phương pháp khấu hao đường thẳng

+ Công ty tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền

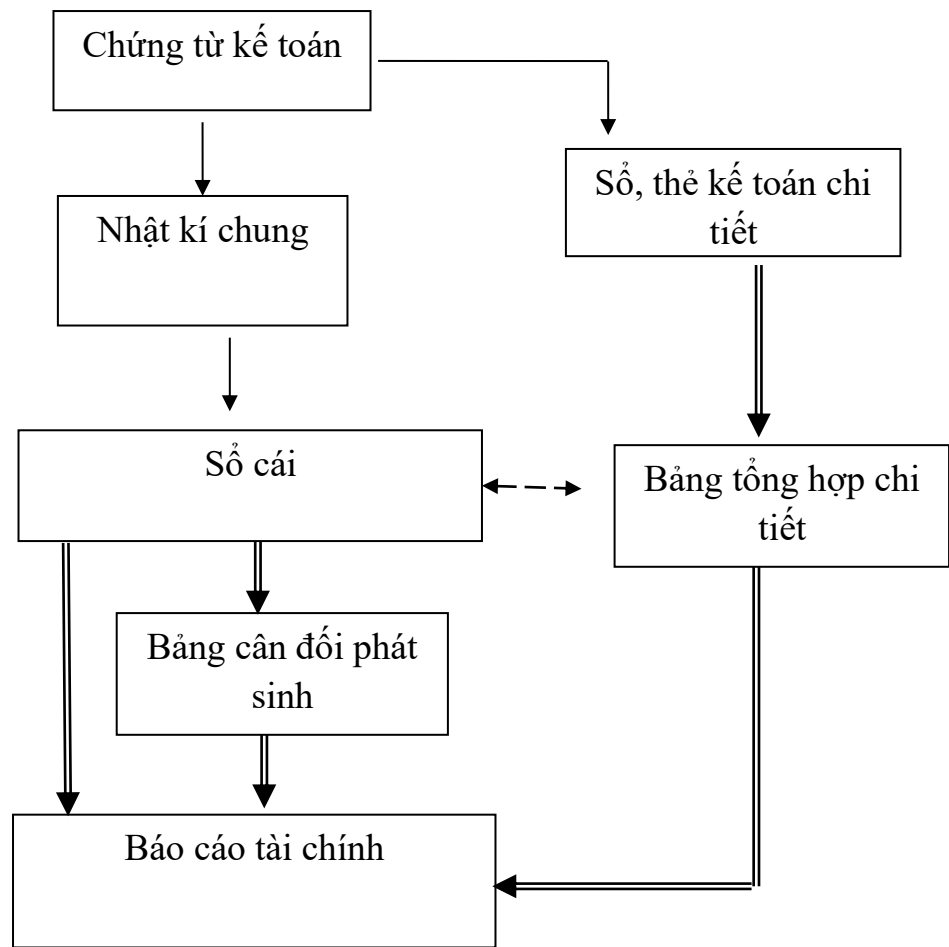
+ Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

2.1.4.3 Tổ chức hệ thống chứng từ ,hệ thống kế toán áp dụng tại công ty

Hệ thống chứng từ và tài khoản của công ty áp dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành theo thông tư số 200 ngày 22/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính. Về chế độ tài khoản kế toán: Căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán theo những quy định, kết hợp với yêu cầu, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, trình độ quản lý, hệ thống tài khoản của Công ty TNHH Sinh Việt Nam sử dụng các tài khoản kế toán áp dụng theo TT 200 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính và không có tài khoản nào không có trong chế độ. Đồng thời, các tài khoản cấp 1 được chi tiết thành các tài khoản cấp 2, cấp 3, cấp 4 cho phù hợp với đặc điểm và yêu cầu.

#### ***2.1.4.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại công ty***

Công ty áp dụng hệ thống sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, rất thuận tiện, phù hợp với quy mô của công ty, đảm bảo việc thông tin nhanh, chính xác và kịp thời. Hệ thống tài khoản và sổ sách kế toán được thiết lập theo quy định. phù hợp với đặc điểm của công ty gồm có: Nhật ký chung, sổ cái, sổ thẻ chi tiết, bảng tổng hợp.



Sơ đồ 2-3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung

- Ghi chú: Ghi hàng ngày hoặc định kỳ —————→
- Ghi cuối kỳ ══════════→
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←-----→

Trình tự ghi sổ như sau :

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra dùng làm căn cứ ghi sổ, đầu tiên ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập bảng Cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và bảng

Tổng hợp chi tiết lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

#### **2.1.4.5 Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính**

Hệ thống báo cáo tài chính của công ty áp dụng theo TT200 của Bộ Tài Chính :

- Bảng cân đối kế toán: (Mẫu số B01- DN)
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: (Mẫu số B02- DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: (Mẫu số B03-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính: (Mẫu số B09- DN)

## **2.2 Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sinchi Việt Nam**

### **2.2.1 Đặc điểm , phân loại và tính giá nguyên vật liệu tại công ty**

#### **2.2.1.1 Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu**

##### **a. Đặc điểm nguyên vật liệu của công ty**

Công ty TNHH Sinchi Việt Nam là một công ty chuyên sản xuất các mặt hàng về đúc áp lực, gia công, lắp ráp các linh kiện bằng hợp kim nhôm. Vì vậy nguyên vật liệu tại công ty chiếm tỷ trọng cao. Nguyên vật liệu chủ yếu tại công ty là Nhôm ADC-1 ,12 ... Bên cạnh đó còn các nguyên vật liệu như gas hóa lỏng , Sơn bề mặt TN 31 sản phẩm.... Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào 1 chu kì sản xuất nhất định và khi tham gia vào quá trình sản xuất ,dưới tác động của lao động chúng bị tiêu hao toàn bộ hoặc thay đổi hình thái vật chất ban đầu để tạo ra hình thái của sản phẩm. Việc cất trữ và bảo quản các nguyên vật liệu nguyên vật liệu là rất quan trọng nếu không các nguyên vật liệu sẽ dễ thất thoát , hỏng hóc không thể sử dụng gây lãng phí tiền của

##### **b. Phân loại nguyên vật liệu**

Tùy theo đặc thù của nguyên vật liệu mà công ty phân loại chúng ra thành từng nhóm để dễ quản lý và công tác hạch toán nguyên vật liệu như sau

+ Nguyên vật liệu chính : Là đối tượng chủ yếu cấu thành lên thực thể của chính phẩm bao gồm Nhôm ADC-1 ,6,10,12

+ Nguyên vật liệu phụ : Sơn bề mặt TN 31, dầu tạo màng,...

+ Nhiên liệu : Dầu DIEZEL, dầu làm mát, Gas hóa lỏng,...

### **2.2.1.2 Tính giá nguyên vật liệu tại công ty Giá trị thực tế nguyên vật liệu nhập kho**

#### **a) Nguyên vật liệu nhập kho**

Giá thực tế nguyên = Giá mua hàng + Chi phí mua - Các khoản giảm giá ,

vật liệu nhập kho ghi trên hóa đơn thực tế chiết khấu thương mại

Trong đó:

- Giá mua ghi trên hóa đơn : giá chưa có thuế GTGT.

- Chi phí thu mua là những chi phí phát sinh trong quá trình mua bao gồm: Vận chuyển, xếp dỡ, hao hụt tự nhiên,...

- Các khoản giảm trừ bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua, ...

\* Thủ tục nguyên vật liệu nhập kho: Căn cứ theo nhu cầu sản xuất và thực tế sử dụng nguyên vật liệu do Bộ phận kỹ thuật đề ra, Bộ phận kinh doanh lên kế hoạch mua vật tư sau đó trình lên cho Tổng Tổng giám đốc ký duyệt. Khi Tổng Tổng giám đốc đã ký duyệt kế hoạch mua vật tư, Bộ phận kinh doanh lập hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng chuyển cho Phòng kế toán kiểm tra sau đó chuyển cho Tổng Tổng giám đốc ký duyệt. Khi nguyên vật liệu về đến công ty, Bộ phận kỹ thuật cùng với đại diện phân xưởng sản xuất , Thủ kho và nhân viên kế toán sẽ tiến hành kiểm tra căn cứ vào hóa đơn GTGT, đối chiếu với hợp đồng ký kết về số lượng, chủng loại, chất lượng từng loại vật liệu, lập phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên:

Liên 1: Lưu lại quyền

Liên 2: Giao cho Thủ kho để ghi thẻ kho

Liên 3: Chuyển lên Phòng kế toán để ghi sổ

**VD1 ngày 06/12/2022 công ty TNHH Sinchi Việt Nam mua 20.000 Kg Nhôm ADC-1 của công ty TNHH Piaggio Việt Nam. Giá mua chưa thuế, VAT 10% giá 52.881 đồng/Kg. Công ty TNHH Sinchi Việt Nam chưa thanh toán tiền**

Khi hàng về , thủ kho nhập kho theo số lượng thực tế, kê toán căn cứ vào HĐGTGT số 885 ngày 06/12/2022(biểu 2.1) lập phiếu nhập kho số NK585(biểu 2.2)

Do Công ty TNHH Piaggio Việt Nam vận chuyển đến kho cho đơn vị nên không có phát sinh chi phí thu mua.

Trị giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho:  $20.000 \times 58,881 = 1.177.620.000$



**VD2 ngày 07/12/2022 Công ty TNHH Sinchi Việt Nam mua 430 Kg Sơn bề mặt TN 31 của công ty TNHH Sơn Miền Bắc. Giá mua chưa thuế, VAT 8% giá 423.740Kg. Công ty TNHH Sinchi Việt Nam chưa thanh toán tiền**

Khi hàng về , thủ kho nhập kho theo số lượng thực tế, kê toán căn cứ vào HĐ GTGT số 705 ngày 07/12/2022(biểu 2.3),lập phiếu nhập kho số NK590(biểu 2.4)

Do công ty TNHH Sơn Miền Bắc vận chuyển đến kho cho đơn vị nên không có phát sinh chi phí thu mua.

Trị giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho:  $430 \times 398.220 = 171.234.000$

**Biểu số 2.1 : Hóa đơn GTGT**

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>					
<b>(VAT INVOICE) Ký hiệu (Serial): 1C22TYT</b>					
Ngày(Date) 06 tháng(month) 12 năm(year) 2022			Số (No.): 885		
<b>(BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ)</b>					
<b>(EINVOICE DISPLAY VERSION)</b>					
Mã của CQT:008DB2F8D44E7D43B49052300DE51E269A					
Đơn vị bán hàng (Seller): <b>CÔNG TY TNHH PIAGGIO VIỆT NAM</b>					
Mã số thuế (Tax code): <b>2500288968</b>					
Địa chỉ (Address): <b>Lô M, Khu Công nghiệp Bình Xuyên, Thị Trấn Hương Canh, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam</b>					
Điện thoại (Tel): 0211.3593. 666					
Số tài khoản (Bank A/C):3315888-002 (VND) -021(USD) tại (at) INDOVINA BANK					
Người mua hàng (Buyer):					
Tên đơn vị (Company): <b>CÔNG TY TNHH SIN CHI VIỆT NAM</b>					
Mã số thuế (Tax code): <b>0 2 0 0 7 8 7 7 5 4</b>					
Địa chỉ (Address): <b>Lô L1.6, lô L1.7 &amp; 1/2 Lô L1.8 khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.</b>					
Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản			Số tài khoản (Bank A/C):		
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6 = 4 x 5</b>
1	Nhôm ADC-1	KG	20.000	52.881	1.057.620.000
Tỷ giá (Exchange rate):		Cộng tiền hàng (Sub total):		1.057.620.000	
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):		105.762.000	
Tổng tiền thanh toán (Total of payment):				1.163.382.000	
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): <b>Một tỷ một trăm sáu mươi ba triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng</b>					
Người mua hàng (Buyer) (Chữ ký số (nếu có)) (Digital signature (if any))			Người bán hàng (Seller) (Chữ ký điện tử, Chữ ký số) (E-Signature, Digital signature)		
<div style="border: 1px solid red; padding: 5px; display: inline-block;"> Signature Valid Ký bởi: <b>CÔNG TY TNHH PIAGGIO VIỆT NAM</b> Ký ngày: 06/12/2023</div>					



**Biểu số 2.2 : Phiếu nhập kho****Địa chỉ:** Lô L1.6, lô L1.7 & 1/2 Lô L1.8  
số*(Ban hành theo Thông tư*khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng,  
phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn,,  
BTC)*200/2014/TT – BTC  
Ngày 22/12/2014 của*

thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày ...06...tháng ..12...năm .2022

Số: 585

Nợ:152

Có:331

- Họ và tên người giao hàng: Hoàng Minh Tuấn
- Địa chỉ (bộ phận): Công ty TNHH Piaggio Việt Nam
- Lý do nhập kho: Mua hàng
- Nhập tại kho (ngăn lô): Nhôm
- Địa điểm CÔNG TY TNHH SINCHI VIỆT NAM

S T T	Tên, nhãn hiệu , quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực Nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Nhôm ADC-1	NHOM ADC-1	Kg	20.000	20.000	58.881	1.057.620.000
	Cộng						1.057.620.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một tỷ không trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng

- Số chứng từ gốc kèm theo: 1

Ngày ..06.. tháng .12...năm2022

**Người lập phiếu****Người giao hàng****Thủ kho****Tổng giám đốc***(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)*

**Biểu số 2.3 : Hóa đơn GTGT**

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6 = 4 x 5</b>
1	Sơn bề mặt TN 31	KG	430	423.740	182.208.200
Tỷ giá (Exchange rate):		Cộng tiền hàng (Sub total):			182.208.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			14.576.656
				Tổng tiền thanh toán (Total of payment): 196.784.856	
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): <b>Một trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn tám trăm năm mươi sáu đồng</b>					
<b>Người mua hàng (Buyer)</b> (Chữ ký số (nếu có)) (Digital signature (if any))			<b>Người bán hàng (Seller)</b> (Chữ ký điện tử, Chữ ký số) (E-Signature, Digital signature)		
<div style="border: 1px solid red; padding: 5px; display: inline-block;"> <p style="margin: 0;">Signature Valid              Ký bởi: CÔNG TY TNHH SƠN MIỀN BẮC              Ký ngày: 07/12/2023</p> </div>					

**Biểu số 2.4 : Phiếu nhập kho****Địa chỉ:** Lô L1.6, lô L1.7 & 1/2 Lô L1.8  
số*(Ban hành theo Thông tư*khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng,  
phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn,,  
*BTC)**200/2014/TT – BTC*  
*Ngày 22/12/2014 của*

thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày ..07...tháng ..12...năm .2022

Số: 590

Nợ:152

Có:331

- Họ và tên người giao hàng: CÔNG TY TNHH KRICO
- Địa chỉ (bộ phận):
- Lý do nhập kho: Mua hàng
- Nhập tại kho (ngăn lô): Nguyên vật liệu
- Địa điểm CÔNG TY TNHH SINCHI VIỆT NAM

S T T	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực Nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Sơn bề mặt TN 31	SON TN	Kg	430	430	398.220	182.208.200
	Cộng						182.208.200

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một trăm tám mươi hai triệu hai trăm linh tám  
nghìn hai trăm đồng

- Số chứng từ gốc kèm theo: 1

Ngày ..07.. tháng .12...năm2022

**Người lập phiếu***(Ký, họ tên)***Người giao hàng***(Ký, họ tên)***Thủ kho***(Ký, họ tên)***Tổng giám đốc***(Ký, họ tên)*

## b) Nguyên vật liệu xuất kho

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Giá trị NVL tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng NVL nhập trong kỳ}}$$

**Giá trị NVL xuất dùng = Đơn giá bình quân x Số lượng NVL nhập trong kỳ**

\* Thủ tục xuất kho: Công ty TNHH Sinchi Việt Nam là một công ty chuyên để sản xuất vì vậy nguyên vật liệu tại công ty được dùng cho sản xuất là chính. Ngoài ra, khi có nghiệp vụ liên qua đến xuất kho thì cũng yêu cầu các giấy tờ chứng từ liên quan phải được phê chuẩn đầy đủ và hợp lệ. Từ các phiếu xuất kho, thủ kho vào thẻ kho để theo dõi mặt số lượng của nguyên vật liệu xuất kho. Mỗi thẻ kho được mở cho từng loại nguyên vật liệu. Kế toán kiểm tra tính hợp pháp hợp lệ của phiếu xuất kho (phải có đủ chữ ký của người có liên quan), sau đó tính giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho để điền vào phiếu. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

Liên 1: Lưu lại quyền

Liên 2: Giao cho Thủ kho để ghi thẻ kho

Liên 3: Chuyển lên Phòng kế toán để ghi sổ

**.VD3 Ngày 08/12/2022 Công ty xuất 38.950 Kg Nhôm ADC-1 phục vụ cho sản xuất, kế toán làm thủ tục xuất và viết phiếu xuất kho số 939(biểu 2.5)**

Kế toán tính giá nguyên vật liệu nhập kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ

\* Nhôm ADC-1

+ Tồn đầu kỳ: 281.610 Kg, trị giá 16.747.464.210 (đồng)

+ Nhập trong kỳ: 318.613 Kg, trị giá 15.055.631.908 (đồng)

Giá xuất kho của Nhôm ADC-1 được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân} \quad 16.747.464.210 + 15.055.631.908 \\ \text{Nhôm ADC-1} = \frac{\quad}{281.610 + 318.613} = 52.985 \text{ (đồng /} \\ \text{Kg)} \end{array}$$

**VD4 ngày 11/12/2022 công ty xuất Sơn bề mặt TN 31 phục vụ cho sản xuất, kế toán làm thủ tục xuất và viết phiếu xuất kho số 942(biểu 2.6)**

Kế toán tính giá nguyên vật liệu nhập kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ

\* Sơn bề mặt TN 31

+ Tồn đầu kỳ : 839 Kg, trị giá 357,010,441 (đồng)

+ Nhập trong kỳ : 1.405 Kg, trị giá 595.358.764 (đồng)

Giá xuất kho của Sơn bề mặt TN 31 được tính như sau

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân} \quad 357,010,441 + 595.358.764 \\ \text{Sơn bề mặt TN 31} = \frac{\quad}{839 + 1.405} = 424.407 \text{(đồng} \\ \text{/Kg)} \end{array}$$

**Biểu số 2.5: Phiếu xuất kho**

**Đơn vị: CÔNG TY TNHH SINCHI VIỆT NAM**

**Địa chỉ:** Lô L1.6, lô L1.7 & 1/2 Lô L1.8

khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng,

phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn,

*BTC*)

thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**Mẫu số: 02- VT**

*(Ban hành theo Thông tư số*

*200/2014/TT – BTC*

*Ngày 22/12/2014 của*

**PHIẾU XUẤT KHO**

*Ngày .08...tháng ..12...năm .2022*

Số: 939

- Họ và tên người nhận hàng: Hoàng Anh Tuấn Địa chỉ (bộ phận): Xưởng

- Lý do xuất kho: xuất kho NVL phục vụ sản xuất

- Xuất tại kho (ngăn lô): Nhôm Địa điểm CÔNG TY TNHH SINCHI VIỆT NAM

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Nhôm ADC-1	NHOM ADC-1	Kg	38.950	38.950		
	Cộng						

- Tổng số tiền (viết bằng chữ):

- Số chứng từ gốc kèm theo:

*Ngày .08... tháng 12..năm2022.*

**Người lập  
phiếu**

*(Ký, họ  
tên)*

**Người nhận  
hàng**

*(Ký, họ tên)*

**Thủ kho**  
*(Ký, họ  
tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Hoặc bộ phận có  
nhu cầu nhập)*

*(Ký, họ tên)*

**Tổng giám đốc**

*(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.6: Phiếu xuất kho

**Đơn vị: CÔNG TY TNHH SINCHI VIỆT NAM**

**Địa chỉ:** Lô L1.6, lô L1.7 & 1/2 Lô L1.8

khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng,

phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn,,

BTC)

thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**Mẫu số: 02- VT**

(Ban hành theo Thông tư số

200/2014/TT – BTC

Ngày 22/12/2014 của

### PHIẾU XUẤT KHO

Ngày .11...tháng ..12...năm .2022

Số: 942

- Họ và tên người nhận hàng: Hoàng Anh Tuấn Địa chỉ (bộ phận): Xưởng

- Lý do xuất kho: xuất kho NVL phục vụ sản xuất

- Xuất tại kho (ngăn lô): NVL

Địa điểm CÔNG TY TNHH SINCHI VIỆT

NAM

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Sơn bề mặt TN 31	SON TN	Kg	250	250		
	Cộng						

- Tổng số tiền (viết bằng chữ)

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày ..11.. tháng 12..năm 2022.

**Người lập**

**phiếu**

(Ký, họ tên)

**Người nhận**

**hàng**

(Ký, họ tên)

**Thủ kho**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)

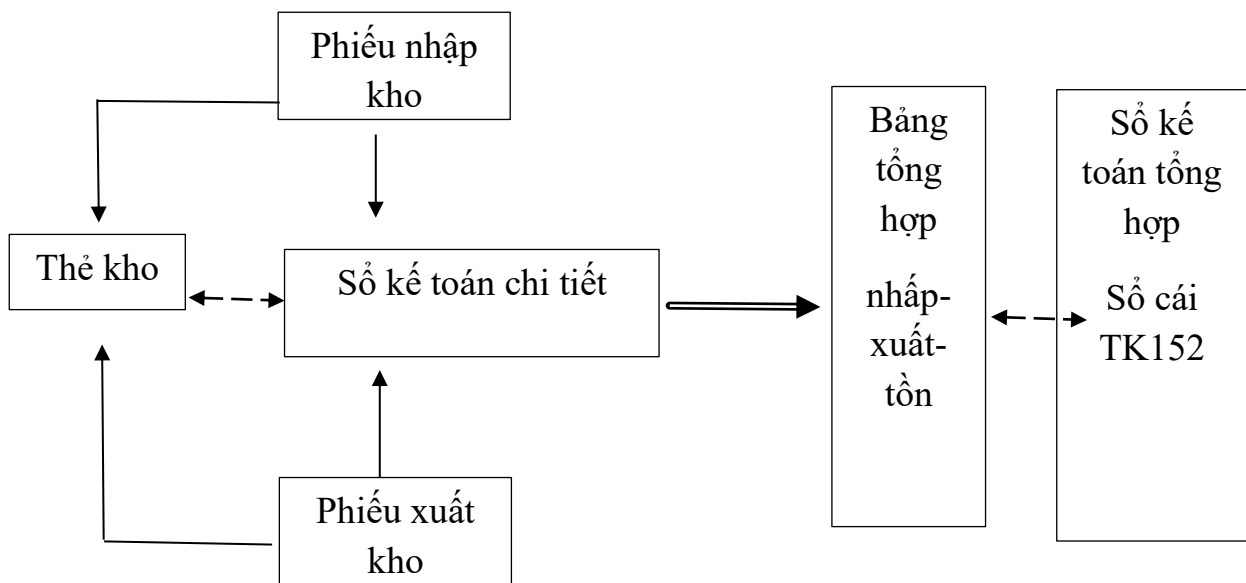
(Ký, họ tên)

**Tổng giám đốc**

(Ký, họ tên)

### 2.2.2 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sinchi Việt Nam

Trong các doanh nghiệp sản xuất, việc quản lý vật liệu do nhiều bộ phận, đơn vị tham gia song việc quản lý tình hình nhập, xuất, tồn kho NVL hàng ngày chủ yếu được thực hiện ở bộ phận và phòng kế toán trên cơ sở về chứng từ kế toán về nhập, xuất NVL, thủ kho và kế toán NVL phải phản ánh chính xác, kịp thời tình hình nhập xuất tồn kho theo từng danh điểm NVL. Bởi vậy, giữa thủ kho và phòng kế toán phải có sự phối hợp với nhau để sử dụng các chứng từ kế toán nhập, xuất NVL một cách hợp lý trong việc ghi chép vào thẻ kho của thủ kho, ghi vào sổ kế toán chi tiết của kế toán nhằm đảm bảo sự phù hợp số liệu giữa thẻ kho và sổ kế toán, đồng thời tránh được sự ghi chép trùng lặp, không cần thiết, tiết kiệm hao phí lao động, quản lý có hiệu quả nguyên vật liệu. Sự liên hệ và phối hợp đó tạo nên những phương pháp hạch toán chi tiết NVL. Công ty TNHH Sinchi Việt Nam đã lựa chọn phương pháp “Ghi thẻ song song” để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu.

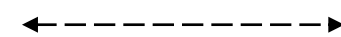
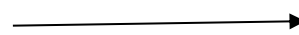


Sơ đồ 2-4 : Sơ đồ hạch toán chi tiết theo phương pháp song song

Ghi chú: Ghi hàng ngày hoặc định kỳ

Ghi cuối kỳ

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra





**Tại kho :** Hàng ngày khi có chứng từ nhập- xuất, thủ kho căn cứ vào số lượng thực nhập, thực xuất trên chứng từ để ghi vào thẻ kho liên quan, mỗi chứng từ ghi vào một dòng trên thẻ kho. Thẻ kho được mở cho từng danh điểm vật tư, cuối tháng thủ kho phải tiến hành tổng cộng số lượng nhập, xuất, tính ra số tồn kho về mặt lượng theo từng danh điểm vật liệu. Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập xuất kho về phòng kế toán.

**Tại phòng kế toán :** Kế toán sử dụng sổ ( thẻ) kế toán chi tiết vật liệu để theo dõi tình hình nhập- xuất- tồn kho hàng ngày. Sổ chi tiết được theo dõi cả về mặt hiện vật và giá trị khi nhận được các chứng từ nhập- xuất kho do thủ kho chuyển đến, nhân viên kế toán nguyên vật liệu phải kiểm tra đối chiếu chứng từ nhập, xuất kho với các chứng từ liên quan như ( hoá đơn GTGT, phiếu mua hàng...).Cuối tháng, kế toán cộng sổ tính ra tổng số nhập, tổng số xuất và số tồn kho của từng danh điểm vật liệu. Số lượng NVL tồn kho phản ánh trên sổ kế toán chi tiết phải được đối chiếu khớp với số tồn kho ghi trên thẻ kho tương ứng. Sau khi đối chiếu với thẻ kho của thủ kho kế toán phải căn cứ vào sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu, số liệu của bảng này được đối chiếu với số liệu của sổ kế toán tổng hợp.

Cuối tháng , kế toán cộng sổ chi tiết nguyên vật liệu, đối chiếu với thẻ kho theo số lượng. Sau đó kế toán tổng hợp số liệu ở sổ chi tiết nguyên vật liệu vào bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn nguyên vật liệu để có cơ sở đối chiếu với kế toán tổng hợp

**VD1 ngày 06/12/2022 công ty TNHH Sinchi Việt Nam mua 20.000 Kg Nhôm ADC-1 của Công ty TNHH Piaggio Việt Nam. Chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua, giá chưa VAT 10% 58.881 đồng\Kg. Công ty TNHH Sinchi Việt Nam chưa thanh toán tiền**

- Tại kho : Căn cứ vào phiếu nhập kho(biểu 2.1), thủ kho ghi vào thẻ kho ( biểu số 2.7)

- Tại phòng kế toán : Kế toán căn cứ vào phiếu nhập kho(biểu 2.1) tiến hành ghi sổ chi tiết TK 152 (biểu số 2.8). Cuối tháng, căn cứ vào sổ chi tiết TK 152, kế toán lập Bảng tổng hợp Nhập – Xuất – Tồn nguyên vật liệu (biểu số 2.11)

**.VD3 Ngày 08/12/2022 Công ty xuất 38.950 Kg Nhôm ADC-1 phục vụ cho sản xuất, kế toán làm thủ tục xuất và viết phiếu xuất kho số 939**

- Tại kho : Căn cứ vào phiếu xuất kho(biểu 2.5), thủ kho ghi vào thẻ kho ( biểu số 2.7)

- Tại phòng kế toán : Kế toán căn cứ vào phiếu xuất kho(biểu2.5) tiến hành ghi sổ chi tiết TK 152 (biểu số 2.8). Cuối tháng, căn cứ vào sổ chi tiết TK 152, kế toán lập Bảng tổng hợp Nhập – Xuất – Tồn nguyên vật liệu (biểu số 2.11)

**Biểu số 2.7: Thẻ kho của nguyên vật liệu : Nhôm ADC-1**

**Công ty TNHH Sinchi Việt Nam**  
**Địa chỉ:** Lô L1.6, lô L1.7 & 1/2 Lô L1.8  
 phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn,  
 thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**Mẫu số; S12 – DN**  
 (Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ  
 trưởng BTC)

**THẺ KHO**

Ngày lập thẻ: 01/12/2022

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Nhôm ADC-1

Đơn vị tính: Kg

TT	Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Ngày N-X	Số lượng		
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn
				<b>Tồn đầu tháng</b> <b>12</b>				<b>281.610</b>
<b>1</b>	<b>06/12</b>	<b>PN</b> <b>585</b>		<b>Nhập Nhôm</b> <b>ADC-1</b>	<b>01/12</b>	<b>20.000</b>		<b>301.610</b>
<b>2</b>	<b>08/12</b>		<b>PX</b> <b>939</b>	<b>Xuất Nhôm</b> <b>ADC-1</b>	<b>10/12</b>		<b>38.950</b>	<b>262.660</b>
				...				
8	19/12	PN 623		Nhập Nhôm ADC-1	19/12	37.500		306.864
				...				
12	23/12		PX 975	Xuất Nhôm ADC-1	23/12		55.367	265.467
				...				
				<b>Cộng phát sinh</b>		318.613	347.405	
				<b>Tồn cuối tháng</b> <b>12</b>				<b>252.818</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Thủ kho**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Tổng giám đốc**  
(ký, họ tên)

**Biểu số 2.8:Sổ chi tiết nguyên vật liệu: Nhôm ADC-1**

Công ty TNHH Sinchi Việt Nam  
Địa chỉ: Lô L1.6, lô L1.7 & 1/2 Lô L1.8  
phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn,  
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số; S12 – DN  
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU**

Tháng 12/2022

Tài khoản: 152-Nguyên vật liệu, Tên, quy cách nguyên vật liệu: Nhôm ADC-1

Đơn vị: Kg

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
	SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
			<b>Tồn đầu tháng 12</b>		<b>52.470</b>					<b>281.610</b>	<b>14.776.076.700</b>
<b>06/12</b>	<b>PN 585</b>	<b>06/12</b>	<b>Nhập Nhôm ADC-1</b>	<b>331</b>	<b>52.881</b>	<b>20.000</b>	<b>1.057.620.000</b>			<b>301.610</b>	
<b>08/12</b>	<b>PX 939</b>		<b>Xuất Nhôm ADC-1</b>	<b>621</b>				<b>38.950</b>		<b>262.660</b>	
			...								
19/12	PN 623	19/12	Nhập Nhôm ADC-1	331	52.667	107.497	5.661.544.499			306.864	
			...								
23/12	PX 975		Xuất Nhôm ADC-1	621				55.367		265.467	
			...								
			<b>Cộng</b>			281.412	15.055.631.980	310.204	16.436.158.940		
			<b>Số dư cuối tháng 12</b>		<b>52.985</b>					<b>252.818</b>	<b>13.395.549.740</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Thủ kho**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Tổng giám đốc**  
(ký, họ tên)

**VD2 ngày 07/12/2022 công ty TNHH Sinchi Việt Nam mua Sơn bề mặt TN 31 của Công ty TNHH KRICO. Chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua, trị giá chưa VAT 10% 171.235.000. Công ty TNHH Sinchi Việt Nam chưa thanh toán tiền**

- Tại kho : Căn cứ vào phiếu nhập kho(biểu 2.1), thủ kho ghi vào thẻ kho ( biểu số 2.9)

- Tại phòng kế toán : Kế toán căn cứ vào phiếu nhập kho(biểu 2.1) tiến hành ghi sổ chi tiết TK 152 (biểu số 2.10). Cuối tháng, căn cứ vào sổ chi tiết TK 152, kế toán lập Bảng tổng hợp Nhập – Xuất – Tồn nguyên vật liệu (Biểu số 2.11)

**VD4 ngày 11/12/2022 công ty xuất Sơn bề mặt TN 31 phục vụ cho sản xuất, kế toán làm thủ tục xuất và viết phiếu xuất kho số 942**

- Tại kho : Căn cứ vào phiếu xuất kho(biểu 2.5), thủ kho ghi vào thẻ kho ( biểu số 2.9)

- Tại phòng kế toán : Kế toán căn cứ vào phiếu xuất kho(biểu 2.5) tiến hành ghi sổ chi tiết TK 152 (biểu số 2.10). Cuối tháng, căn cứ vào sổ chi tiết TK 152, kế toán lập Bảng tổng hợp Nhập – Xuất – Tồn nguyên vật liệu (Biểu số 2.11)

**Biểu số 2.9: Thẻ kho của nguyên vật liệu : Sơn bề mặt TN 31**

**Công ty TNHH Sinchi Việt Nam**  
**Địa chỉ:** Lô L1.6, lô L1.7 & 1/2 Lô L1.8  
 phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn,  
 thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**Mẫu số; S12 – DN**  
*(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ*  
*trưởng BTC)*

**THẺ KHO**

Ngày lập thẻ: 01/12/2022

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Sơn bề mặt TN 31

Đơn vị tính: Kg

TT	Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Ngày N-X	Số lượng		
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn
				<u>Tồn đầu tháng 12</u>				<b>839</b>
<b>1</b>	<b>07/12</b>	<b>PN</b> <b>595</b>		<b>Nhập Sơn bề mặt TN 31</b>	<b>07/12</b>	<b>430</b>		<b>1.269</b>
<b>2</b>	<b>11/12</b>		<b>PX</b> <b>942</b>	<b>Xuất Sơn bề mặt TN 31</b>	<b>11/12</b>		<b>250</b>	<b>1.019</b>
				...				
7	22/12	PN 654		Nhập Sơn bề mặt TN 31	22/12	400		962
				...				
12	25/12		PX 998	Xuất Sơn bề mặt TN 31	25/12		164	894
				...				
				<u>Công phát sinh</u>		1.375	1.704	
				<b>Tồn cuối tháng 12</b>				<b>540</b>

Ngày 31 tháng 02 năm 2022

**Thủ kho**  
*(ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(ký, họ tên)*

**Tổng giám đốc**  
*(ký, họ tên)*

**Biểu số 2.10:Sổ chi tiết nguyên vật liệu: Sơn bề mặt TN 31**

Công ty TNHH Sinchi Việt Nam  
Địa chỉ: Lô L1.6, lô L1.7 & 1/2 Lô L1.8  
phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn,  
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số; S12 – DN  
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU**

Tháng 12/2022

Tài khoản: 152-Nguyên vật liệu, Tên, quy cách nguyên vật liệu: Sơn bề mặt TN 31

Đơn vị tính: Kg

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
	SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
			<b>Tồn đầu tháng 12</b>		<b>425.519</b>					<b>839</b>	<b>357.010.441</b>
<b>07/12</b>	<b>PN 595</b>	<b>07/12</b>	<b>Nhập Sơn bề mặt TN 31</b>	<b>331</b>	<b>423.740</b>	<b>430</b>	<b>182.208.200</b>			<b>1.269</b>	
<b>11/12</b>	<b>PX 942</b>	<b>11/12</b>	<b>Xuất Sơn bề mặt TN 31</b>	<b>621</b>				<b>250</b>		<b>1.019</b>	
			...								
22/12	PN 654	22/12	Nhập Sơn bề mặt TN 31	331	359.863	400	157.945.200			962	
			...								
25/12	PX 998	25/12	Xuất Sơn bề mặt TN 31	621				164		894	
			...								
			<b>Cộng</b>			<b>1.405</b>	<b>595,358,764</b>	<b>1.704</b>	<b>723.189.528</b>		
			<b>Tồn cuối tháng 12</b>		424.407					<b>540</b>	<b>229.179.677</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Thủ kho**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Tổng giám đốc**  
(ký, họ tên)

## Biểu số 2.11: BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Công ty TNHH Sinchi Việt Nam  
Địa chỉ: Lô L1.6, lô L1.7 & 1/2 Lô L1.8  
phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn,  
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số; S12 – DN  
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

### BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2022

Tên tài khoản: 152-Nguyên vật liệu

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên vật tư	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
I	Nhóm vật liệu chính									
1	Nhôm ADC-1	Kg	281.610	14.776.076.700	281.412	15.055.631.980	310.204	16.436.158.940	252.818	13.395.549.740
	...	...								
II	Nhóm nhiên liệu phụ									
1	Chất làm tan băng	Kg	71	6,770,799	-	-	65	6,156,994	6	613,805
	...									
7	Sơn bề mặt TN 31	Kg	839	357.010.441	1.405	595,358,764	1.704	723.189.528	540	229.179.677
	....									
16	Túi PE	Chiếc	132,459	204,879,154	40,000	36,052,800	54,109	83,692,273	118,350	157,239,680
	...									
	<b>Cộng</b>			<b>32.928.545.541</b>		<b>21,897,083,219</b>		<b>32,869,760,407</b>		<b>21,955,868,353</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



### **2.2.3 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sinchi Việt Nam**

Để phục vụ cho công tác hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, Công ty TNHH Sinchi Việt Nam đã sử dụng phương pháp kế toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên. Theo phương pháp này, tình hình biến động nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu tại công ty được ghi chép, phản ánh một cách thường xuyên, liên tục.

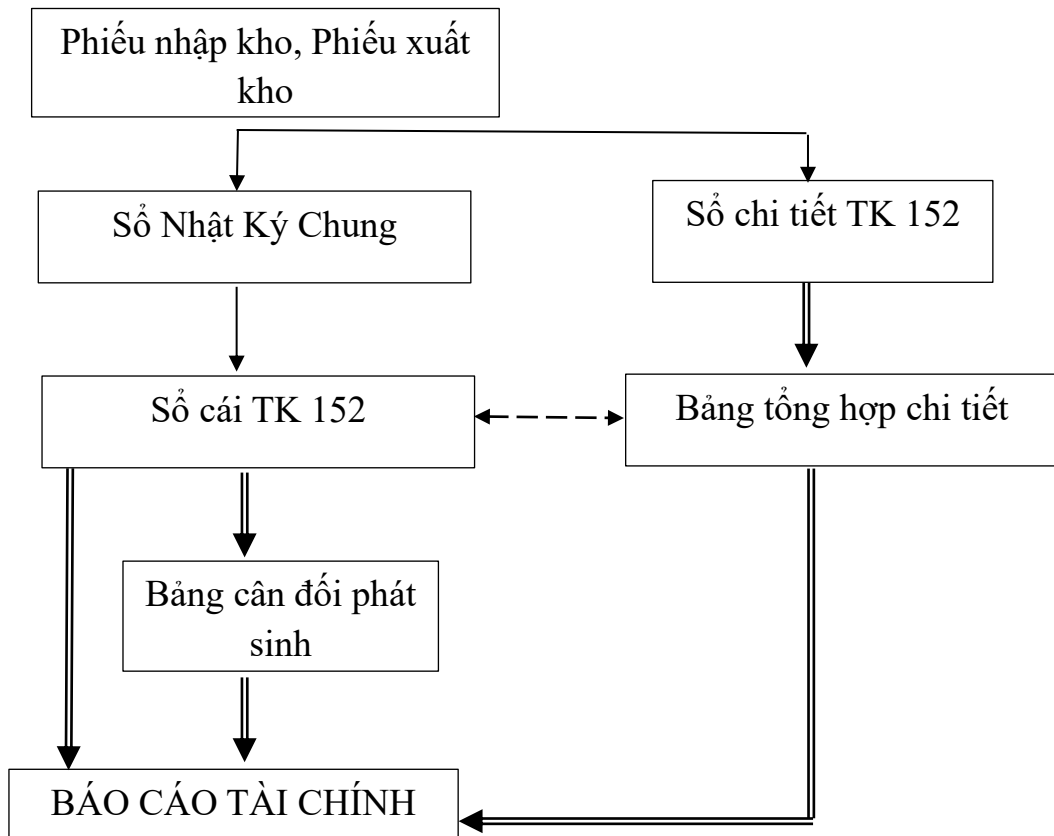
Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho Hóa đơn GTGT ...

Tài khoản kế toán sử dụng:

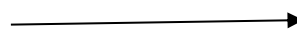
- TK 152: Nguyên vật liệu
- TK liên quan: TK133, TK152, TK621.....

Trình tự hạch toán:



Sơ đồ 2-5 : Trình tự hạch toán kế toán tổng hợp tại Công ty

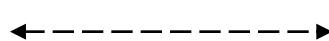
Ghi chú: Ghi hàng ngày hoặc định kỳ



Ghi cuối kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



### Trình tự ghi sổ

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung vào Sổ cái theo tài khoản kế toán phù hợp.
- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

**VD1 ngày 06/12/2022 công ty TNHH Sinchi Việt Nam mua 20.000 Kg nhôm ADC-1 của Công ty TNHH Piaggio Việt Nam. Chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua, giá chưa VAT 10% 58.881 đồng/Kg. Công ty TNHH Sinchi Việt Nam chưa thanh toán tiền**

Căn cứ vào phiếu nhập kho(biểu 2.2), HDGTGT(biểu 2.1), kế toán ghi vào nhật ký chung (biểu số 2.14). Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái tài khoản

152 (biểu số 2.15) và sổ cái các tài khoản 133, 331. Cuối kỳ căn cứ vào số liệu trên sổ cái để lập Bảng cân đối phát sinh, từ Bảng cân đối phát sinh để lập báo cáo tài chính

**VD2 ngày 07/12/2022 công ty TNHH Sinchi Việt Nam mua Sơn bề mặt TN 31 của Công ty TNHH KRICO. Chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua, trị giá chưa VAT 10% 171.235.000. Công ty TNHH Sinchi Việt Nam chưa thanh toán tiền**

Căn cứ vào phiếu nhập kho(biểu 2.4), HDGTGT(biểu 2.3), ), kế toán ghi vào nhật ký chung (biểu số 2.14). Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái tài khoản 152 (biểu số 2.15) và sổ cái các tài khoản 133, 331. Cuối kỳ căn cứ vào số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối phát sinh, từ bảng cân đối phát sinh để lập báo cáo tài chính

**.VD3 Ngày 08/12/2022 Công ty xuất 38.950 Kg nhôm ADC-1 phục vụ cho sản xuất, kế toán làm thủ tục xuất và viết phiếu xuất kho số 939**

Căn cứ vào phiếu xuất kho Nhôm ADC-1 số 939 (biểu số 2.5) và các phiếu xuất kho liên quan tới Nhôm ADC-1 tháng 12 năm 2022, kế toán lập bảng kê xuất nguyên vật liệu Nhôm ADC-1 (biểu 2.12), từ bảng kê xuất kế toán ghi vào sổ Nhật Ký Chung (biểu 2.14). Từ sổ Nhật Ký Chung ghi vào sổ cái TK 152 (biểu 2.15) và sổ cái TK621. Cuối kỳ căn cứ vào số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối phát sinh. Từ bảng cân đối phát sinh lập báo cáo tài chính

**VD4 ngày 11/12/2022 công ty xuất Sơn bề mặt TN 31 TN phục vụ cho sản xuất, kế toán làm thủ tục xuất và viết phiếu xuất kho số 942**

Căn cứ vào phiếu xuất kho Sơn bề mặt TN 31 số 942( biểu số 2.6) và các phiếu xuất kho liên quan tới Sơn bề mặt TN 31 tháng 12 năm 2022, kế toán lập bảng kê xuất nguyên vật liệu Sơn bề mặt TN 31 (biểu 2.13), từ bảng kê xuất kế toán ghi vào sổ Nhật Ký Chung (biểu 2.14). Từ sổ Nhật Ký Chung ghi vào sổ cái TK 152 (biểu 2.15) và sổ cái TK621. Cuối kỳ căn cứ vào số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối phát sinh. Từ bảng cân đối phát sinh lập báo cáo tài chính

**Biểu số 2.12: Bảng kê xuất nguyên vật liệu**  
**BẢNG KÊ XUẤT NGUYÊN VẬT LIỆU**

Tháng 12 năm 2022

Tên quy cách nguyên vật liệu: Nhôm ADC-1

Số: 482

Chứng từ		Diễn giải	Đối tượng sử dụng-TK621	Số lượng (Kg)	Ghi chú
SH	NT				
		...			
<b>PX 939</b>	<b>08/12</b>	<b>Xuất Nhôm ADC-1 phục vụ sản xuất</b>		<b>38.950</b>	
		...			
PX 975	23/12	Xuất Nhôm ADC-1 phục vụ sản xuất		55.367	
		...			
		Tổng số lượng xuất trong kỳ		310.204	
		Đơn giá		52.985	
		Thành tiền xuất trong kỳ		16.436.158.940	

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2022  
**Tổng giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.13:** Bảng kê xuất nguyên vật liệu  
**BẢNG KÊ XUẤT NGUYÊN VẬT LIỆU**

Tháng 12 năm 2022

Tên quy cách nguyên vật liệu: Sơn bề mặt TN 31

Số: 496

Chứng từ		Diễn giải	Đối tượng sử dụng-TK621	Ghi chú
SH	NT		Số lượng (Kg)	
		...		
<b>PX 942</b>	<b>08/12</b>	<b>Xuất Nhôm ADC-1 phục vụ sản xuất</b>	<b>250</b>	
		...		
PX 975	23/12	Xuất Nhôm ADC-1 phục vụ sản xuất	164	
		...		
		Tổng số lượng xuất trong kỳ	1.704	
		Đơn giá	424.407	
		Thành tiền xuất trong kỳ	723.189.528	

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2022  
**Tổng giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.14: Trích SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH SINCHI VIỆT NAM**

Địa chỉ: Lô L1.6, lô L1.7 & 1/2 Lô L1.8 khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
**Năm 2022**

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
	SH	Ngày			Nợ	Có
			...			
06/12	HDGTGT số 885 PN 585	06/12	Nhập kho Nhôm ADC-1	152	1.057.620.000	
				133	105.762.000	
				331		1.163.382.000
			...			
07/12	HDGTGT số 705 PN 598	07/12	Nhập kho Sơn bề mặt TN 31	152	182.208.200	
				133	14.576.656	
				331		196.784.856
			...			
20/12	PT 457	20/12	Thu tiền bán phế liệu	111	17.539.000	
				131		17.539.000
			...			
31/12	BK 482	31/12	Trị giá Nhôm ADC-1 xuất kho tháng 12	621	16.436.158.940	
				152		16.436.158.940
			...			
31/12	BK 496	31/12	Trị giá Sơn bề mặt TN 31 xuất kho tháng 12	621	723.189.528	
				152		723.189.528
			...			
			Cộng lũy kế từ đầu năm		4.999.921.024.259	4.999.921.024.259

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2022  
Tổng giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.15: Trích SỔ CÁI TK 152

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH SINCHI VIỆT NAM**

Địa chỉ: Lô L1.6, lô L1.7 & 1/2 Lô L1.8 khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

**SỔ CÁI**

Tháng 12 năm 2022

**TK 152: Nguyên liệu, vật liệu**

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		32.928.545.541	
			...			
06/12	HDGTG T số 885 PN 585	01/12	Nhập kho Nhôm ADC-1	331	1.163.382.000	
			...			
07/12	HDGTG T số 705 PN 598	07/12	Nhập kho Sơn bề mặt TN 31	331	196.784.856	
			...			
31/12	BK 482	31/12	Trị giá Nhôm ADC-1 xuất kho tháng 12	621	16.436.158.940	
			...			
31/12	BK 496	31/12	Trị giá Sơn bề mặt TN 31 xuất kho tháng 12	621	723.189.528	
			...			
			Cộng phát sinh		21,897,083,219	32,869,760,407
			Số dư cuối tháng		21,955,868,353	

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2022  
Tổng giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

#### **2.2.4 Công tác kiểm kê nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sinchi Việt Nam**

Định kỳ cuối năm, Công ty tổ chức kiểm kê nguyên vật liệu để phát hiện và xử lý chênh lệch giữa số liệu tồn kho trên thực tế và số liệu sổ sách. Mục đích của việc kiểm kê nguyên vật liệu tồn kho là để xác định số lượng, chất lượng, trị giá nguyên vật liệu còn tồn kho, từ đó phát hiện số chênh lệch giữa sổ sách với thực tế để có biện pháp bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý nguyên vật liệu cũng như tài sản của doanh nghiệp. Trước mỗi lần tiến hành kiểm kê, thủ kho phải hoàn tất thẻ kho để thuận tiện cho công tác kiểm kê, đồng thời các sổ sách nguyên vật liệu tại phòng kế toán cũng phải khóa sổ để thuận tiện cho công tác đối chiếu.

Thông qua việc cân, đo, đong, đếm... xác định số nguyên vật liệu còn trong kho so với sổ sách, Hội đồng kiểm kê lập Biên bản kiểm kê vật tư. Căn cứ vào kết quả kiểm kê, Tổng giám đốc công ty cùng với ban lãnh đạo và Hội đồng kiểm kê sẽ đưa ra những quyết định hợp lý trong công tác nguyên vật liệu tại Công ty. Biên bản kiểm kê là cơ sở để kế toán ghi sổ kế toán cho niên độ mới tiếp theo. Nhìn chung công tác kiểm kê kho ở công ty trong những năm trở lại đây không có trường hợp mất mát mà chỉ có vài trường hợp thiếu, bị hư hỏng do nguyên nhân khách quan nhưng số lượng không đáng kể.

- Trường hợp kiểm kê phát hiện vật liệu thiếu

+ Nếu do nhầm lẫn hoặc chưa ghi sổ phải tiến hành ghi sổ bổ sung hoặc điều chỉnh lại số liệu trên sổ kế toán.

+ Nếu giá trị nguyên vật liệu hao hụt nằm trong phạm vi hao hụt cho phép

(Hao hụt vật liệu trong định mức) ghi:

Nợ TK 632 — Giá vốn hàng bán

Có TK 152 – Nguyên vật liệu

+ Nếu số hao hụt, mất mát chưa xác định rõ nguyên nhân phải chờ xử lý, căn cứ vào giá trị hao hụt, ghi:

Nợ TK 138 – Phải thu khác (1381 – Tài sản thiếu chờ xử lý)

Có TK 152 – Nguyên vật liệu.

Khi có quyết định xử lý, căn cứ vào quyết định, ghi:

Nợ TK 111: Đã nhận bồi thường bằng tiền mặt



Nợ TK 334: Trừ vào lương người lao động phần bắt bồi thường

Nợ TK 138 (1388): Đã xác định được nguyên nhân, chưa thu hồi

Nợ TK 632: Hao hụt trong định mức

Có TK 138(1): Phải thu khác

- Trường hợp kiểm kê phát hiện nguyên vật liệu thừa

+ Nếu xác định là của doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 152 – Nguyên vật liệu

Có TK 711 – Thu nhập khác

Theo kết quả kiểm kê nguyên vật ngày 31/12/2022 . Hội đồng kiểm kê nguyên vật liệu lập biên bản kiểm kê nguyên vật tư

**Biểu số 2.16 : BIÊN BẢN KIỂM KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU**

CÔNG TY TNHH SINCHI VIỆT NAM

**Địa chỉ:** Lô L1.6, lô L1.7 & 1/2 Lô L1.8 khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.**BIÊN BẢN KIỂM KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU**

Thời điểm kiểm kê 16 giờ ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ban kiểm kê gồm:

Ông/Bà: CHENKOLIN Chức vụ: Tổng giám đốc Đại diện: Trưởng ban

Ông/Bà: Nguyễn Thị Hải Chức vụ: Kế toán NVL Đại diện: Ủy viên

Ông/Bà: Hoàng Văn Quý Chức vụ: Nhân viên phòng vật tư Đại diện: Ủy viên

Ông/Bà: Nguyễn Đình Trường Chức vụ: Thủ kho Đã kiểm kê kho có những

mặt hàng dưới đây:

TT	Tên nguyên vật liệu	Mã số	ĐVT	Theo số kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Phẩm chất		
				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
								SL	TT	SL	TT			
1	Nhôm ADC-1	NHOM ADC-1	Kg	252.818	13.395.549.740	252.818	13.395.549.740					x		
2	Sơn bề mặt TN 31	SON TN	Kg	540	229.179.677	540	229.179.677					x		
	...													
<b>Cộng</b>					<b>21,955,868,353</b>		<b>21,955,868,353</b>							

**Tổng giám đốc**  
(Ký họ tên)**Kế toán trưởng**  
(Ký họ tên)**Thủ kho**  
(Ký họ tên)**Nhân viên phòng**  
(Ký họ tên)

Ý kiến giải quyết số chênh lệch

Kết luận của ban kiểm kê: Tất cả nguyên vật liệu còn tốt 100% và số lượng không chênh lệch so với sổ sách

## CHƯƠNG 3

### MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH SINCHI VIỆT NAM

#### **3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Sinchi Việt Nam**

Sau thời gian thực tập tại công ty được tìm hiểu công tác kế toán và đi sâu vào thực hành nghiên cứu kế toán nguyên vật liệu em nhận thấy công ty có nhiều mặt lợi thế và có nhiều ưu điểm nhưng trong đó vẫn còn một số hạn chế

##### **3.1.1 Ưu điểm**

###### **3.1.1.1 Về tổ chức bộ máy kế toán**

Mô hình tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung, toàn bộ công tác kế toán tập trung tại phòng kế toán. Chứng từ sau khi được thu thập, kiểm tra sẽ được gửi về phòng kế toán để kiểm tra tính chính xác, hợp lý, hợp lệ của chứng từ rồi tổng hợp lại ghi vào sổ kế toán. Mô hình đảm bảo quản lý tập trung tính thống nhất công tác kế toán, dễ phân công, kiểm tra, đối chiếu, cung cấp thông tin nhanh nhất và chính xác

Bộ máy kế toán của công ty khá gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả. Công việc được phân công rõ ràng cho các cán bộ kế toán từ đó đảm bảo các phân hành được tiến hành nhanh chóng, độ chính xác cao đảm bảo được thông tin được cung cấp một cách kịp thời, trung thực

###### **3.1.1.2 Về công tác thu mua, bảo quản và sử dụng nguyên vật liệu**

###### **\* Về công tác thu mua**

Công ty kí hợp đồng với các nhà cung cấp có mặt hàng tốt chất lượng cao, giá cả phù hợp, luôn đảm bảo về số lượng cũng như quy cách chất lượng của nguyên vật liệu, giao hàng đúng hạn đảm bảo cho nhu cầu sản xuất sản phẩm công ty đề ra

###### **\* Về công tác lưu trữ bảo quản**

Để phục vụ tốt công tác lưu trữ bảo quản công ty có hệ thống kho bãi được tổ chức khoa học, hợp lý, điều kiện bảo quản phù hợp với đặc tính của từng loại nguyên vật liệu. Đội ngũ nhân viên cán bộ kho giàu kinh nghiệm và có tinh thần

trách nhiệm cao luôn theo dõi tình hình biến động nguyên vật liệu tránh tình trạng thất thoát vật tư gây thiệt hại chi phí cho công ty

*\* Về công tác sử dụng*

Việc sử dụng nguyên vật liệu tại công ty được kiểm soát một cách chặt chẽ. Bộ phận sản xuất của công ty thông kê theo dõi sự biến động của vật tư và lập báo cáo sản xuất. Khâu xuất nguyên vật liệu cũng được quản lý một cách chặt chẽ đảm bảo nguyên vật liệu xuất dùng đúng mục đích

### ***3.1.1.3 Về tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán***

Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán tại công ty đang áp dụng đúng theo chế độ kế toán hiện hành. Hệ thống chứng từ được lập, kiểm tra, luân chuyển phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Đồng thời phản ánh đầy đủ kịp thời, chính xác tình hình biến động nguyên vật liệu của công ty. Hình thức kế toán công ty áp dụng là hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản phù hợp với quy mô của doanh nghiệp. Hệ thống sổ sách báo cáo của công ty cũng khá linh hoạt và đầy đủ phù hợp với chế độ quy định của nhà nước.

### ***3.1.1.4 Về công tác hạch toán nguyên vật liệu***

Công ty hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song, phương pháp này dễ làm, đơn giản, dễ đối chiếu kiểm tra số liệu. Việc hạch toán nguyên vật liệu từ hạch toán chi tiết đến hạch toán tổng hợp đều được tiến hành rất đều đặn, đúng kỳ. Mặt khác do công ty tổng hợp vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu liên tục. Phương pháp này phù hợp với tình hình biến động vật tư tại công ty và đảm bảo cung cấp thông tin chính xác về nguyên vật liệu tại bất kỳ thời điểm nào.

## **3.1.2 Hạn chế**

### ***3.1.2.1 Về việc thành lập sổ điểm danh vật tư để phục vụ cho việc quản lý nguyên vật liệu***

Hiện nay công ty chưa có hệ thống mã hóa khoa học cho từng loại nguyên vật liệu do vậy sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý nguyên vật liệu. Các loại nguyên vật liệu mới chỉ được mã hóa bằng chữ cái theo ký hiệu viết tắt của chúng vì vậy thiếu thống nhất rất khó để mọi người nhận biết nguyên vật liệu chính, nguyên vật phụ. Do vậy, công tác quản lý nguyên vật liệu chưa đạt được hiệu quả tối ưu, khỏi

lượng công việc nhiều. Đây là vấn đề ban lãnh đạo công ty cần quan tâm, xem xét để có một hệ thống nguyên vật liệu được mã hóa khoa học hợp lý tạo điều kiện cho công tác quản lý nguyên vật liệu

### ***3.1.2.2 Về việc luân chuyển chứng từ***

Việc luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban kế toán và thủ kho diễn ra thường xuyên, giữa các phòng ban không có biên giao nhận, dễ xảy ra tình trạng mất hóa đơn, chứng từ. Khi xảy ra mất mát không biết quy trách nhiệm cho ai xử lý làm cho cán bộ công nhân viên thiếu trách nhiệm, buông lỏng việc quản lý chứng từ

### ***3.1.2.3 Về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Hiện tại công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho mặc dù thực tế có phát sinh. Trong thực tế việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho rất quan trọng, nó giúp công ty đánh giá được giá trị thực của tài sản hiện có. Nếu công ty bị giảm giá của hàng tồn kho các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do nguyên vật liệu tồn kho giảm giá sẽ không bù đắp lường trước được những rủi ro trong kinh doanh. Vì thế công ty nên lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo đúng quy định để tránh được những rủi ro do sự biến động giá cả của nguyên vật liệu.

### ***3.1.2.4 Về phần mềm kế toán***

Mặc dù công ty đã trang bị máy tính cho phòng kế toán nhưng kế toán mới chỉ áp dụng dùng Microsoft Office (Word, Excel...) nên việc tính toán tương đối nhiều, dễ dẫn đến sai sót. Vậy nên, công ty nên xem xét tới việc mua phần mềm kế toán phù hợp với tình hình công ty.

## ***3.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty***

### ***3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sinchi Việt Nam***

Trong tình hình kinh tế đầy biến động như hiện nay việc hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán nguyên vật liệu sẽ giúp cho doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao lợi nhuận. Trong đó mục đích hàng đầu của công ty luôn là khắc phục được các mặt hạn chế và phát huy các điểm mạnh của công ty. Để thực hiện được việc này việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu phải đạt được các mục tiêu sau:

- + Khắc phục các hạn chế trong công tác kế toán nguyên vật liệu
- + Đáp ứng được các nhu cầu trong sản xuất quản lý chung của công ty đề ra
- + Tốc độ phát triển của công ty phải được nâng cao phù hợp với tốc độ phát triển của nền kinh tế

### **3.2.2 Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sinchi Việt Nam**

#### **Biện pháp 1: Hoàn thiện việc lập danh điểm vật tư**

Công ty TNHH Sinchi Việt Nam là một công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nên khối lượng nguyên vật liệu sử dụng là tương đối rất lớn và đa dạng về chủng loại, kích cỡ việc kiểm tra, đối chiếu, hạch toán, tính giá nguyên vật liệu còn gặp nhiều khó khăn. Để thuận lợi trong việc theo dõi, quản lý, kiểm tra từng loại vật liệu một dễ dàng, khoa học nên xây dựng một hệ thống sổ danh điểm vật liệu. Sổ danh điểm vật liệu là sổ tập hợp toàn bộ các loại vật liệu mà công ty đã và đang sử dụng. Sổ danh điểm vật liệu phản ánh đến từng loại, từng nhóm, từng thứ, từng quy cách một cách có hệ thống và rõ ràng giúp cho việc quản lý vật liệu được chặt chẽ và dễ dàng. Theo sổ danh điểm này thì mỗi loại, mỗi nhóm, mỗi thứ vật liệu được mã hoá một mã số riêng và được sắp xếp một cách có trật tự, cho nên rất thuận tiện cho việc tìm kiếm những thông tin về một loại, một nhóm, một thứ vật liệu nào đó. Chính vì vậy để đảm bảo thuận tiện, tránh nhầm lẫn cho công tác quản lý và hạch toán về số lượng, giá trị đối với từng vật liệu, công ty nên lập sổ điểm danh vật. Công ty có thể xây dựng bộ mã vật liệu và các tiểu khoản trong quá trình hạch toán nguyên vật liệu để xây dựng mẫu sổ danh điểm vật tư

- TK 1521: “ Nguyên vật liệu chính”
- TK 1522: “Nguyên vật liệu phụ”
- TK 1523: “ Nhiên liệu”
- TK 1524: “Phụ tùng thay thế”
- TK 1525: “Phế liệu thu hồi”

Khi mở thêm các tiêu khoản sẽ giúp cho việc quản lý và theo dõi các loại nguyên vật liệu một cách thuận tiện và khoa học hơn, tránh tình trạng nhầm lẫn, sai sót, đồng thời phản ánh đúng theo quy định của nhà nước.

Ngoài ra sau khi đã hạch toán nguyên vật liệu theo các tiêu khoản giá trị của nguyên vật liệu xuất kho theo sản xuất cũng như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sẽ được chi tiết theo từng nhóm nguyên vật liệu. Như vậy quá trình khi xác định và hạch toán chi phí nguyên vật liệu lúc tính giá thành sản phẩm sẽ được cụ thể hóa theo từng nguyên vật liệu với chức năng, vai trò riêng, từ đó tạo điều kiện thuận lợi trong kiểm soát chi phí nguyên vật liệu, giảm chi phí nguyên vật liệu hay so sánh chi tiết chi phí nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm giữa các kỳ. Khi lập sổ danh điểm nguyên vật liệu điều quan trọng nhất phải làm là xây dựng được bộ mã vật liệu chính xác, đầy đủ, không trùng lặp, có dự trữ để bổ sung những mã vật liệu chưa có. Công ty có thể xây dựng bộ mã dựa vào các đặc điểm sau:

- + Dựa vào nhóm vật liệu
- + Dựa vào loại vật liệu trong mỗi nhóm
- + Dựa vào quy cách vật liệu trong mỗi loại

**Biểu số 3.1 : Sổ điểm danh vật tư**

## Sổ điểm danh vật tư

Kí hiệu		Mã số danh điểm	Tên nhãn hiệu, quy cách, vật tư	Kí hiệu	Đơn vị tính	Ghi chú
Nhóm	Loại					
1521			Nguyên vật liệu chính			
	1521-01		Nhôm hợp kim ADC	NHOM	Kg	
		1521-01-01	Nhôm hợp kim ADC-1	N-ADC-1	Kg	
		1521-01-02	Nhôm hợp kim ADC-12	N-ADC-12	Kg	
			...			
1522			Nguyên liệu phụ			
	1522-01		Hạt dầu	HD	Kg	
	1522-02		Bột thép	BT	Kg	
	1522-03		Miếng lọc tổng hợp	CF - LOC	Chiếc	
			...			
1523			Nhiên liệu			
	1523-01		Dầu			
		1523-01-01	Dầu DIEZEL	DD	Lít	
		1523-01-02	Dầu làm mát ( Dầu cắt gọt )	DLM	Kg	
		1523-01-03	Dầu thủy lực	DTL	Lít	
			...			



## **Biện pháp 2: Hoàn thiện công tác lưu chuyển chứng từ**

Khi các bộ phận, phòng, ban chuyển giao chứng từ cho nhau thường chậm trễ. Vì vậy chứng từ dễ mất, thất lạc công ty nên lập quy định về thời gian lưu chuyển chứng từ để chứng từ có thể tập hợp một cách nhanh chóng, đầy đủ nhất. Khi lưu chuyển chứng từ các bên giao nhận cần kí nhận vào sổ giao nhận chứng từ và có biện pháp xử lý giúp quản lý chặt chẽ chứng từ trong công ty đồng thời nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong việc bảo quản chứng từ

**Biểu số 3.2 : Sổ giao nhận chứng từ**

### **SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ**

Năm ...

STT	Chứng từ		Nội dung trên chứng từ	Kí tên	
	Số hiệu	Ngày tháng		Người giao	Người nhận

## **Biện pháp 3: Về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Trong điều kiện kinh doanh theo cơ chế thị trường, để hạn chế rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh và tôn trọng nguyên tắc “thận trọng” của kế toán, các doanh nghiệp cần thực hiện việc lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho. Doanh nghiệp nên thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho để kiểm soát được sự chênh lệch giá cả tránh được những tổn thất trong việc biến động giá cả.

\* Đối tượng lập

Bao gồm nguyên vật liệu cho sản xuất, sản phẩm dở dang, ngân sách dịch vụ dở dang. Mà giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần. Có thể triển khai được và bảo vệ điều kiện kèm theo sau :

– Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của Bộ Tài chính. Hoặc các bằng chứng khác chứng minh giá vốn hàng tồn kho.

– Là những vật tư sản phẩm & hàng hóa thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tồn kho tại thời gian lập báo cáo giải trình kinh tế tài chính .Trường hợp nguyên vật liệu có giá trị thuần hoàn toàn có thể triển khai được thấp hơn so với giá gốc. Nhưng giá cả loại sản phẩm dịch vụ được sản xuất từ nguyên vật liệu này không bị giảm giá. Thì không được trích lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho đó .

\* Thời điểm lập

Thời điểm lập là thời điểm cuối kì kế toán năm

\* Phương pháp lập dự phòng

Mức trích lập dự phòng tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá vật tư hàng hóa} = \text{Lượng vật tư hàng hóa thực tế tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính} \times \left[ \begin{array}{l} \text{Giá gốc hàng tồn kho theo sổ kế toán} \\ \text{Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho} \end{array} \right]$$

Mức lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính cho từng loại hàng tồn kho bị giảm giá và tổng hợp toàn bộ vào bảng kê chi tiết. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho sử dụng tài khoản 229 “Dự phòng tổn thất tài sản” để phản ánh việc lập dự phòng và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi phải lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho

\* Khi lập Báo Cáo Tài Chính nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kì này lớn hơn số đã trích lập các kỳ trước, kế toán hoàn nhập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK229: Dự phòng tổn thất tài sản ( TK2294)

\* Khi lập Báo Cáo Tài Chính nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kì này nhỏ hơn số đã trích lập các kỳ trước, kế toán trích lập bổ sung phân chênh lệch, ghi:

Nợ TK 229: Dự phòng tổn thất tài sản ( TK2294)

Có TK 632: Giá vốn hàng bán

\* Kế toán xử lý khoản dự phòng, giảm giá hàng tồn kho đối với vật tư bị hư hỏng do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, không còn giá trị sử dụng, ghi:

Nợ TK229: Dự phòng tổn thất tài sản

Nợ TK632. Giá vốn hàng bán

Có TK152: Nguyên vật liệu

**Biểu số 3.2: Bảng kê chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại công ty**

S T T	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Theo sổ kế toán		Theo giá thị trường		Mức dự phòng
				Giá ghi sổ	Thành tiền	Giá thị trường	Thành tiền	
1	Nhôm ADC-1	Kg	252.818	53.985	13.395.549.740	52.284	13.218.336.312	177.225.418
2	Nhôm ADC- 12	Kg	64,793	62.300	4.036.603.900	61.800	4.004.207.400	32.396.500
3	Bột thép	Kg	2.938	32.017	94.065.946	31.000	91.078.000	2.987.946
	Cộng							212.609.864

Kế toán ghi: Nợ TK 632: 212.609.864

Có TK 2294: 212.609.864

Kế toán lập phiếu kế toán cho nghiệp vụ trên và ghi: sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 632, 229.

#### **Biện pháp 4: Áp dụng phần mềm kế toán vào trong hạch toán**

Phần mềm kế toán như một công cụ hỗ trợ đắc lực , không thể thiếu trong doanh nghiệp , trong việc quản lý , theo dõi các nghiệp vụ hàng ngày. Việc sử dụng phần mềm kế toán giúp ích rất nhiều cho doanh nghiệp có thể kể đến như:

- Tự động thao tác kế toán thủ công: Phần mềm hỗ trợ thực hiện các thao tác nhập dữ liệu. Sau đó cá báo cáo, sổ sách cũng được tự động trích xuất giúp giảm bớt các thao tác thủ công.
- Thực hiện nhanh và chính xác các thao tác kế toán: Phần mềm kế toán giúp công việc được thực hiện một cách chính xác, dữ liệu được kiểm tra một cách kịp thời.
- Tra cứu thuận tiện: Nhờ phần mềm các kế toán có thể dễ dàng và nhanh chóng tra cứu số tài khoản, danh mục biểu thuế, danh mục khoản phí, tài sản cố định bất kỳ số liệu nào khác.
- Giúp các nhà quản lý đưa ra các quyết định nhanh chóng và chính xác: Bạn có thể hiểu rõ nguồn gốc lãi lỗ, chi phí vận hành dòng tiền, từ đó có các quyết định về dòng vốn, chi phí.
- Báo cáo thuế dễ dàng: Việc trích xuất được dữ liệu sẽ giảm bớt các sai sót hỗ trợ việc kê khai tại cục thuế một cách linh hoạt và chính xác. Ngoài ra phần mềm còn hỗ trợ cập nhập các quy định mới của chính phủ nên việc báo cáo được thuận lợi.
- Tiết kiệm nhiều loại chi phí: Công tác kế toán giúp tự động hóa nhanh gọn, giúp doanh nghiệp giảm bớt chi phí về nhân sự, kế toán, Quản lý tốt hoạt động kinh doanh, hiểu rõ hơn về những chi phí của doanh nghiệp.

Sau đây là một số phần mềm kế toán phổ biến hiện nay

## **\* Phần mềm kế toán MISA**

Giá: 8.950.000 VND

Ưu điểm:

- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng 01 Phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đang dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.

- Đặc biệt, phần mềm cho phép tạo nhiều CSDL, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên 01 CSDL độc lập.

- Điểm đặc biệt nữa ở MISA mà chưa có phần mềm nào có được đó là thao tác Lưu và Ghi sổ dữ liệu. Tôi rất tâm đắc chức năng này của MISA

- Tính chính xác: số liệu tính toán trong misa rất chính xác, ít xảy ra các sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.

- Tính bảo mật: Vì MISA chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao. Cho đến hiện nay thì các phần mềm chạy trên CSDL SQL; .NET;... hầu như giữa nguyên bản quyền (trong khi một số phần mềm viết trên CSDL Visual fox lại bị đánh cắp bản quyền rất dễ).

Nhược điểm:

- Vì có SQL nên MISA đòi hỏi cấu hình máy tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm chạp.

- Tốc độ xử lý dữ liệu chậm, đặc biệt là khi cập nhật giá xuất hoặc bảo trì dữ liệu.

- Phân hệ tính giá thành chưa được nhà sản xuất chú ý phát triển.

- Các báo cáo khi kết xuất ra excell sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo.

## Giao diện phần mềm MISA

The screenshot displays the MISA accounting software interface for 'Công ty TNHH ABC' in the year 2021. The main section is titled 'Thu chi tiền mặt' (Cash Receipts and Payments). It features three summary boxes at the top: 'Tổng thu đầu năm đến hiện tại' (3,650,286,000), 'Tổng chi đầu năm đến hiện tại' (739,160,000), and 'Tồn quý hiện tại' (3,606,672,456). Below these are tabs for 'Tất cả', 'Thu tiền', and 'Chi tiền'. A table lists individual transactions with columns for 'NGÀY HẠCH TOÁN', 'SỐ CHỨNG TỪ', 'DIỄN GIẢI', 'SỐ TIỀN', 'ĐỐI TƯỢNG', 'LÝ DO THU/CHI', and 'CHỨC NĂNG'. The table contains 10 rows of data, including entries for various companies and services. At the bottom, there is a 'Tổng' (Total) row showing a value of 4,526,846,000. The interface also includes a search bar, a user profile 'Đặng Việt Hà', and a sidebar with navigation icons for different accounting functions.

NGÀY HẠCH TOÁN	SỐ CHỨNG TỪ	DIỄN GIẢI	SỐ TIỀN	ĐỐI TƯỢNG	LÝ DO THU/CHI	CHỨC NĂNG
29/09/2021	PT19.21-009	Thu tiền của Công ty Cổ phần Minh Tâm Hà Nội	3,000,000.000	Công ty Cổ phần Minh Tâm Hà Nội	Thu khác	Xem
29/09/2021	PT19.21-008	Thu tiền khách hàng Công ty TNHH Bảo Cảnh	49,670.000	Công ty TNHH Bảo Cảnh	Phiếu thu tiền mặt khách hàng	Xem
29/09/2021	PC00008	Trả tiền cho Công ty Fuji theo hóa đơn 0237699	334,950.000	Công ty Fuji	Phiếu chi trả tiền nhà cung cấp	Xem
29/09/2021	PC00007	Trả tiền cho Công ty Cổ phần Hà Thành theo hóa đơn DPN	70,000.000	Công ty Cổ phần Hà Thành	Phiếu chi trả tiền nhà cung cấp	Xem
17/09/2021	PC00006	Chi tiền cho Lê Thị Mai AA	3,300.000	Lê Thị Mai AA	Chi khác	Xem
25/08/2021	PT00006	Thu tiền bán hàng Công ty Cổ phần Hoàng Cầu	4,400.000	Công ty Cổ phần Hoàng Cầu	Bán hàng hóa trong nước - Tiền mặt	Xem
25/08/2021	PT00005	Thu tiền bán hàng Công ty TNHH Bảo Cảnh	0	Công ty TNHH Bảo Cảnh	Bán hàng hóa trong nước - Tiền mặt	Xem
19/08/2021	PC00003	Phi dịch vụ cho Công ty Cổ phần Hà Thành	2,200.000	Công ty Cổ phần Hà Thành	Chi phí mua dịch vụ - Tiền mặt	Xem
02/08/2021	PC00001	Chi tiền cho Công ty TNHH Hồng Hà	20,000.000	Công ty TNHH Hồng Hà	Chi khác	Xem
<b>Tổng</b>			<b>4,526,846,000</b>			

## \* Phần mềm kế toán Fast Accounting

Giá: 12.000.000 VNĐ

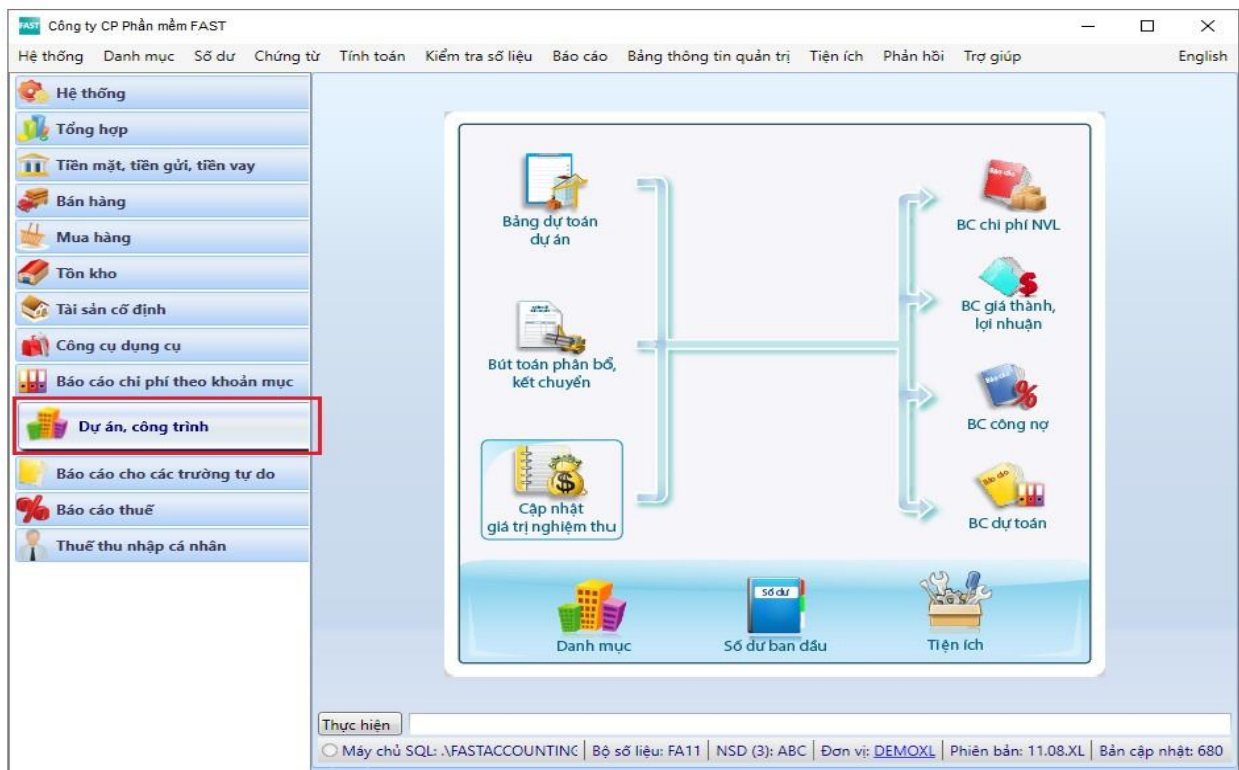
Ưu điểm:

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống MISA, fast có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (Báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).
- Tốc độ xử lý rất nhanh.
- Cho phép kết xuất báo cáo ra Excell với mẫu biểu sắp xếp đẹp.

Nhược điểm:

- Tính bảo mật chưa cao, trong khi thao tác thường xảy ra lỗi nhỏ (không đáng kể).
- Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.

Giao diện phần mềm kế toán Fast Accounting





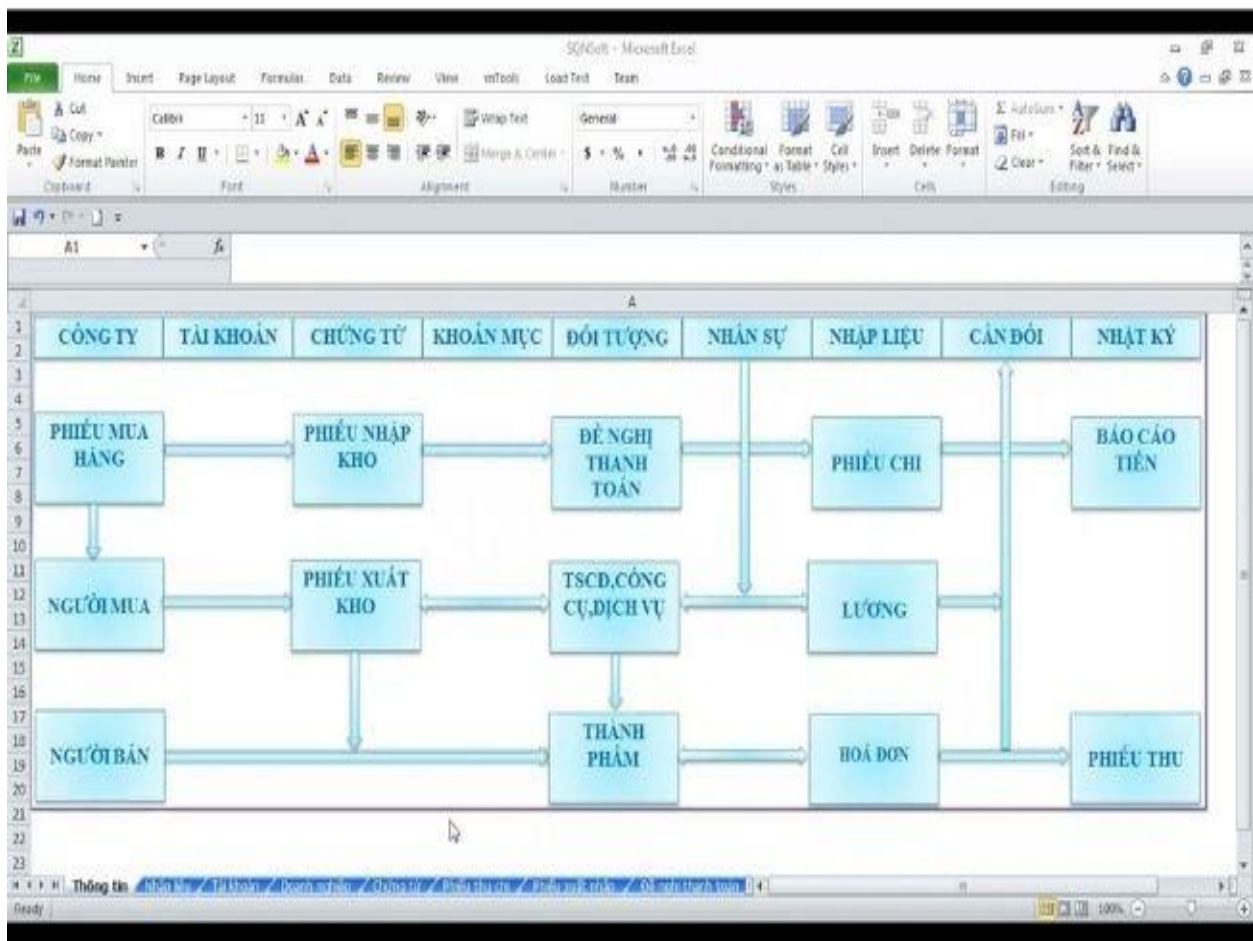
## \* Phần mềm ACsoft

Ưu điểm:

- Giao diện đẹp, dễ sử dụng, tốc độ xử lý nhanh. Ít tốn tài nguyên máy.

Nhược điểm

- Bảo mật chưa cao, thường xảy ra lỗi, Hỗ trợ 01 hình thức kế toán (Nhật ký chung), 01 phương pháp tính giá xuất kho (bình quân di động).



## \* Phần mềm 3Tsoft

Ưu điểm:

- Phần mềm kế toán 3tsoft có giao diện khá bắt mắt và đẹp, phần mềm cho phép mở nhiều giao diện cùng một lúc.
- Phần mềm có tốc độ xử lý nhanh, gọn nhẹ
- Phần mềm kế toán 3tsoft được tích hợp sẵn tính năng quét mã vạch.
- Vận dụng linh hoạt cho mọi loại hình dịch vụ, thương mại, sản xuất, xây dựng.
- Không giới hạn máy tính sử dụng, phần mềm kế toán 3tsoft cho phép cập nhật dữ liệu từ Excel như các chứng từ thu, chi, nhập hay xuất, các danh mục hàng hoá ...
- Có thể linh hoạt sửa các mẫu báo cáo, in ấn chứng từ – sổ sách hàng loạt dễ dàng
- Kết xuất nhanh tờ khai thuế, báo cáo tài chính dùng cho hỗ trợ kê khai.
- Cho phép sao lưu – phục hồi, truyền nhận dữ liệu dễ dàng giữa các máy tính.
- Hỗ trợ tiếng Việt, Việt – Anh, Việt – Hàn, Việt – Trung, Việt – Nhật.
- Giá thành tương đối thấp so với những phần mềm kế toán khác.

Nhược điểm:

- Chi phí sử dụng của phần mềm kế toán 3tsoft cao hơn nhiều so với các phần mềm kế toán thông thường hiện nay. Hiện nay phần mềm kế toán 3tsoft có phiên bản sử dụng miễn phí, cho phép người dùng trải nghiệm các tính năng ưu điểm và vượt trội của nó.
- Phần mềm 3tsoft bắt buộc phải nhập đơn vị tính và nhóm vật tư hàng mới mới cho lưu giữ liệu, có thể gây khó khăn trong trường hợp hàng hóa không có đơn vị tính.

– Một số trường hợp phần mềm báo lỗi không lưu được những không chỉ rõ lỗi, dẫn đến khó sửa chữa và lưu trữ



## KẾT LUẬN

Đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Sinchi Việt Nam” đã được đề cập một số vấn đề lý luận và thực tiễn như sau:

- Về mặt lý luận: em đã trình bày một cách khái quát, có hệ thống các vấn đề cơ bản về hạch toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

- Về thực tiễn:

+ Phản ánh thực trạng về tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Sinchi Việt Nam

+ Đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Sinchi Việt Nam

- ❖ Công ty nên lập sổ điểm danh vật tư
- ❖ Công ty nên sổ luân chuyển chứng từ
- ❖ Công ty nên trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- ❖ Công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán vào công việc

Tuy nhiên, thời gian thực tập ngắn, lượng kiến thức còn hạn hẹp cho nên việc tiếp cận ban đầu với công tác kế toán còn nhiều khó khăn. Báo cáo này dừng lại ở mức độ nhất định và không tránh được những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự giúp đỡ, đóng góp ý kiến của quý thầy, cô trong nhà trường cùng các anh, chị phòng kế toán để đề tài này được hoàn thiện và giúp cho em có thêm kinh nghiệm quý báu làm tiền đề cho công việc thực tế sau này.

Qua đây, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến quý thầy, cô cùng toàn thể các anh, chị phòng kế toán – tài vụ của công ty TNHH Sinchi Việt Nam. Đặc biệt, em xin chân thành cảm ơn Thạc sĩ Nguyễn Văn Thụ người đã trực tiếp hướng dẫn và giúp đỡ tận tình để em hoàn thành tốt khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải phòng, ngày tháng năm

Sinh viên

Nguyễn Thị Huệ

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2016), Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1, quyển 2 Nhà xuất bản Tài chính.
2. Công ty TNHH Sinchi Việt Nam, Sổ sách kế toán Công ty.
3. Thông tư 200/2014/TT-BTC (2014), Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Bộ Tài chính
4. Tài liệu tham khảo tại thư viện
5. Mạng Internet